

LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm gần đây, nước ta đang trên đà phát triển, ngành kinh tế nước ta đã và đang có sự chuyển biến một cách rõ rệt, rất nhiều những Công ty lớn nhỏ được thành lập với nhiều hình thức khác nhau. Bên cạnh đó các doanh nghiệp phải đối mặt với những thử thách trong cuộc cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Vì vậy vấn đề đặt ra trong sản xuất kinh doanh là làm thế nào để có được lợi nhuận cao nhất, chi phí bỏ ra thấp nhất thì Công ty mới có thể tồn tại, phát triển mạnh mẽ và đứng vững trong nền kinh tế thị trường. Ngoài việc có sự lãnh đạo giỏi của những người lãnh đạo doanh nghiệp, bên cạnh đó công tác tài chính kinh tế gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gắn liền với thị trường trong và ngoài nước có ích cho các quyết định kinh tế. Nên việc đào tạo bồi dưỡng những kế toán viên đã và đang được coi trọng.

Vì vậy em quyết định chọn đề tài "**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**".

Khoá luận tốt nghiệp của em chia làm 3 chương:

Ch- ơng 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Ch- ơng 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cơ khí đúc Thăng Lợi

Ch- ơng 3: Một số kiến nghị về công tác tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi

Em xin chân thành cảm ơn cô Bùi Thị Chung, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng, các anh chị trong Công ty và phòng Kế toán Công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi đã giúp đỡ em hoàn thành bài luận văn này.

Hải Phòng, ngày tháng 5 năm 2010

Sinh viên

Bùi Thị Thuỳ Linh

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong hoạt động kinh doanh, để tạo ra được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, các doanh nghiệp phải dùng tiền để mua sắm nguyên nhiên vật liệu, công cụ, dụng cụ... để tiến hành sản xuất tạo ra sản phẩm hàng hóa và các dịch vụ, tiến hành tiêu thụ và thực hiện các dịch vụ và thu tiền về, tạo nên doanh thu của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu do tiêu thụ các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra còn bao gồm các khoản doanh thu do các hoạt động khác mang lại.

Do vậy, doanh thu của doanh nghiệp có vai trò rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước như nộp các khoản thuế quy định, Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, tham gia liên kết với các đơn vị khác. Trong trường hợp doanh thu không đủ đảm bảo cho các khoản chi phí đã bỏ ra, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ cạnh tranh trên thị trường và tất yếu sẽ đi đến phá sản.

1.1.2 Một số khái niệm cơ bản

1.1.2.1 Doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, doanh thu được hiểu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các

hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.2.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” và các chuẩn mực khác có liên quan

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau:
 - Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
 - Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng
- Thời điểm ghi nhận doanh thu
 - Bán hàng theo phương thức hàng gửi đi bán:

Đây là phương thức doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng hoặc các đại lý, đơn vị kí gửi

+ Trường hợp giao hàng tại kho của bên mua hoặc tại một điểm nào đó đã quy định trước trong hợp đồng: sản phẩm khi xuất kho chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyển giao thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ.

+ Đơn vị có hàng kí gửi (Chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng kí gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng kí gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận kí gửi một khoản hoa hồng tính theo tỷ lệ % trên giá kí gửi của số hàng kí gửi thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng.

+ Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng kí gửi: Số sản phẩm nhận bán kí gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của các đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng. Trong trường hợp đại lý bán đúng giá kí gửi của chủ hàng và hưởng hoa hồng thì không phải tính và nộp thuế GTGT đối với hàng hoá bán đại lý và tiền thu về hoa hồng.

- Bán hàng theo phương thức bán lẻ hàng và bán các dịch vụ, lao vụ

Theo phương thức này, doanh nghiệp bán các sản phẩm, hàng hoá trực tiếp cho người tiêu dùng và được coi là tiêu thụ.

- Bán hàng theo phương thức trực tiếp

Theo phương thức này, căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong, người nhận hàng ký xác nhận vào hoá đơn bán hàng và số hàng đó được xác định là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- Bán hàng theo phương thức giao thẳng

Theo phương thức này, doanh nghiệp mua hàng và người cung cấp bán thẳng cho khách hàng không qua kho của doanh nghiệp. Khi đó nghiệp vụ mua bán xảy ra đồng thời. Phương thức này chủ yếu áp dụng ở các doanh nghiệp thương mại

- Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp

Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi chậm trả theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi chậm trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

Một số hình thức bán hàng khác: khuyến mãi, biếu, tặng...

1.1.2.1.2 Doanh thu tiêu thụ nội bộ

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là những khoản thu do bán hàng và cung cấp dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp, đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới

1.1.2.1.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ....

1.1.2.1.4 Thu nhập khác

Thu nhập khác gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã qua xử lý xoá sổ, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại, thu nhập từ các khoản phải trả không xác định được chủ, các khoản thu nhập khác

1.1.2.1.5 Các khoản giảm trừ doanh thu

***) Chiết khấu thương mại**

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán

***) Giảm giá hàng bán**

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu

***) Giá trị hàng bán bị trả lại**

Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

***) Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng.

- Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hoá được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp là tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo

Doanh thu thuần được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu về hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu.

1.1.2.2 Chi phí

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác...mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản sau:

1.1.2.2.1 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.2.2 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động kinh doanh, cho các hoạt động khác và các khoản thuế gián thu mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của DN trong một thời kỳ nhất định

***) Chi phí bán hàng**

Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm

- Chi phí nhân viên bán hàng: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hoá... Bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ...

- Chi phí vật liệu bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hoá, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hoá trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản tài sản cố định... dùng cho bộ phận bán hàng

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc...

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng...

- Chi phí bảo hành sản phẩm: phản ánh các khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá. Riêng chi phí sửa chữa, bảo hành công trình xây lắp được phản ánh vào chi phí sản xuất chung, không phản ánh vào chi phí bán hàng

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hoá đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu...

- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí tiếp khách ở bộ

phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hoá, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng...

***) Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.

- Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ... (giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT)

- Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng cho công tác quản lý(giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT)

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định dùng trong doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng trên văn phòng...

- Thuế, phí và lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất... và các khoản phí, lệ phí khác.

- Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế...(không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp, tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí hội nghị tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

1.1.2.2.3 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, các khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá mua và bán ngoại tệ...

1.1.2.2.4 Chi phí khác

Chi phí khác gồm: chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý nhượng bán, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác...

1.1.2.2.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ và thu nhập khác

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận khác là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(lợi nhuận ròng hay lãi ròng) là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế TNDN.

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường: là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đó là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: là kết quả từ các hoạt động bất thường khác, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã...đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động bất thường.

- Phải theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.

- Ghi chép, phản ánh chi tiết, kịp thời, chính xác các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập các báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả các trạng thái như hàng đi đường, hàng tồn kho, hàng gửi bán...

- Xác định đúng thời điểm hàng hoá được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo tiêu thụ, phản ánh doanh thu, báo cáo thường xuyên tình hình tiêu thụ và thanh toán chi tiết theo từng loại hàng hoá, từng hợp đồng kinh tế.

- Xác định và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Từ đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo để có những việc làm cụ thể phù hợp với thị trường.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn bán hàng thông thường, hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

***) TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh

• Bên Nợ

- + Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ
- + Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ

+ Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

+ Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

+ Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

• **Bên Có**

+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

- TK 511 không có số dư cuối kỳ

- TK 511 có 5 tiểu khoản cấp 2:

+ TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

+ TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm

+ TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

+ TK 5114: Doanh thu trợ cấp trợ giá

+ TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

***) TK 512: Doanh thu bán hàng nội bộ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

• **Bên Nợ**

+ Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm trừ hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của một số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ.

+ Số thuế giá trị gia tăng phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp của một số sản phẩm, hàng hoá dịch vụ đã tiêu thụ nội bộ.

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”

- **Bên Có**

- + Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

- TK 512 không có số dư cuối kỳ

- TK 512 có 3 tiểu khoản cấp 2

- + TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá

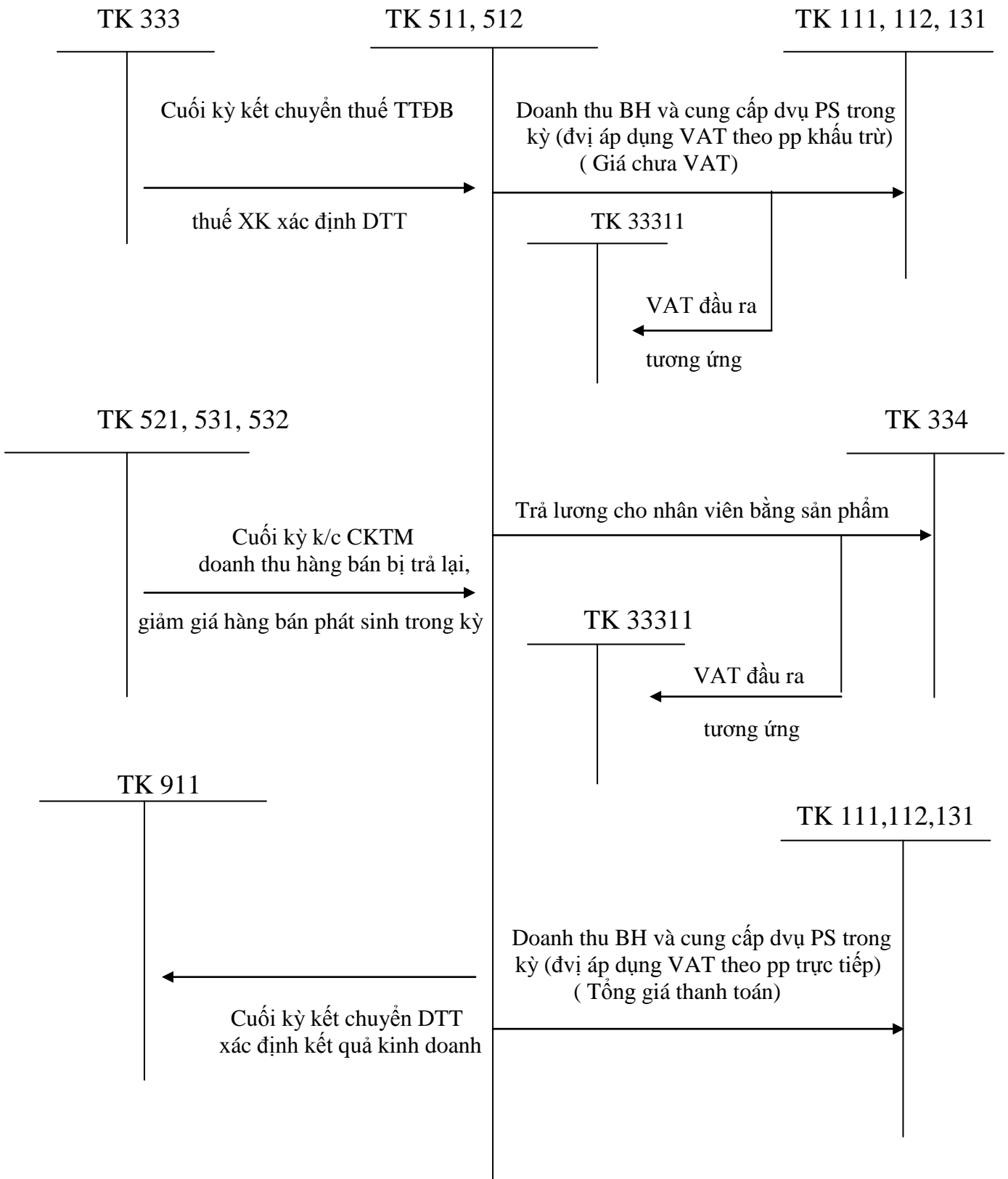
- + TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm

- + TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1 SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN DOANH THU BH VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ



1.2.2 Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

***) TK 521: Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng hoá)

- **Bên nợ**

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

- **Bên Có**

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo

- Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

***) TK 531: Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại (Tính theo đúng đơn giá ghi trên hoá đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”

- **Bên Nợ**

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hoá đã bán

- **Bên Có**

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

- TK 531 không có số dư cuối kỳ

- *) **TK 532: Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

- **Bên Nợ**

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng.

- **Bên Có**

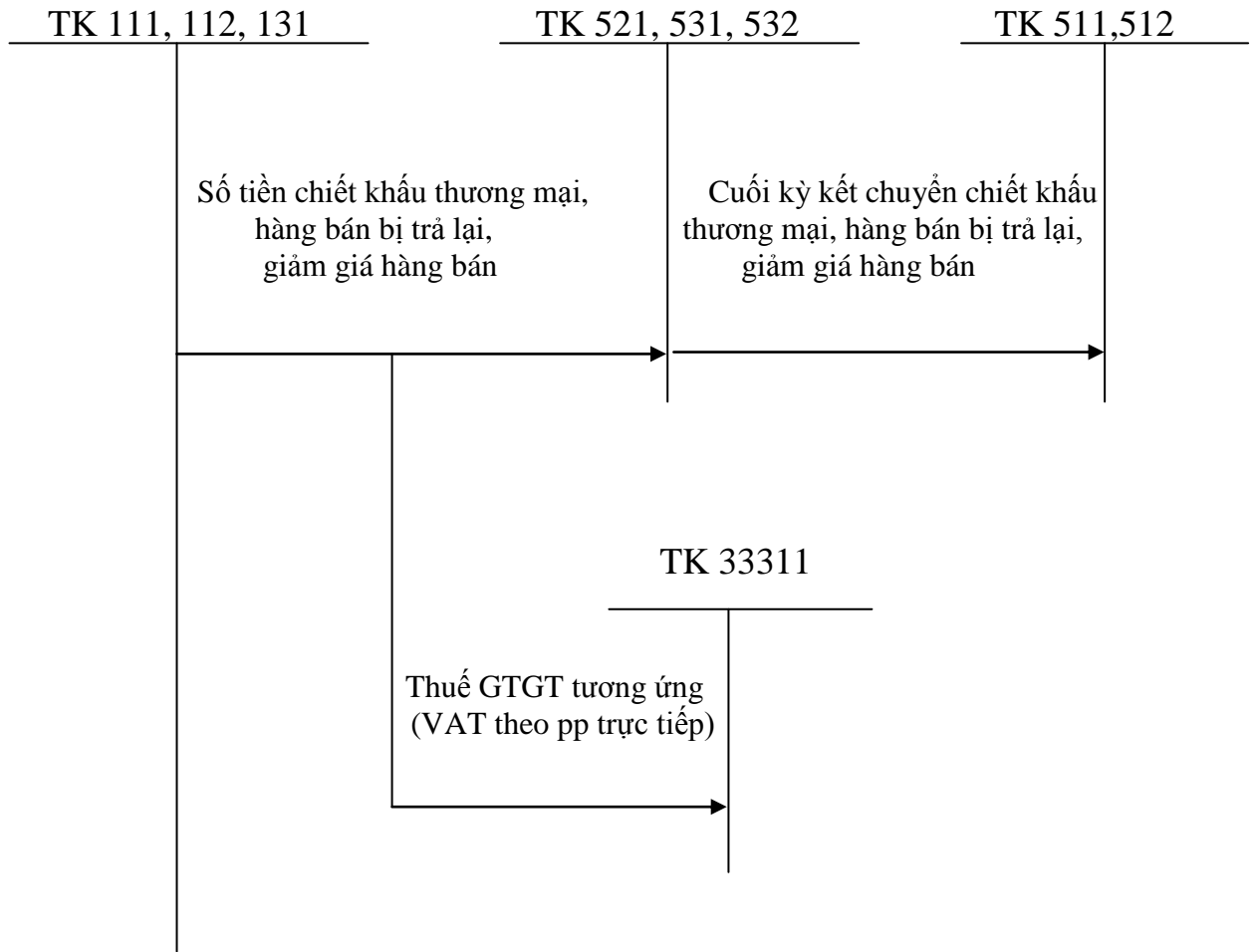
Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

- - TK 532 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2 SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU



1.2.3 Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

***) TK 632 “ Giá vốn hàng bán”**

Doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên có kết cấu và nội dung phản ánh như sau:

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh

nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

● **Bên Nợ**

- + Giá vốn hàng đã bán
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

● **Bên Có**

- + Kết chuyển giá vốn của hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ
- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính(Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)
- + Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản khác liên quan như: TK 156, TK 611, TK 632(Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

- Việc hạch toán hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

● **Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ**

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp

● **Phương pháp nhập trước xuất trước**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp

này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

• **Phương pháp nhập sau xuất trước**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho

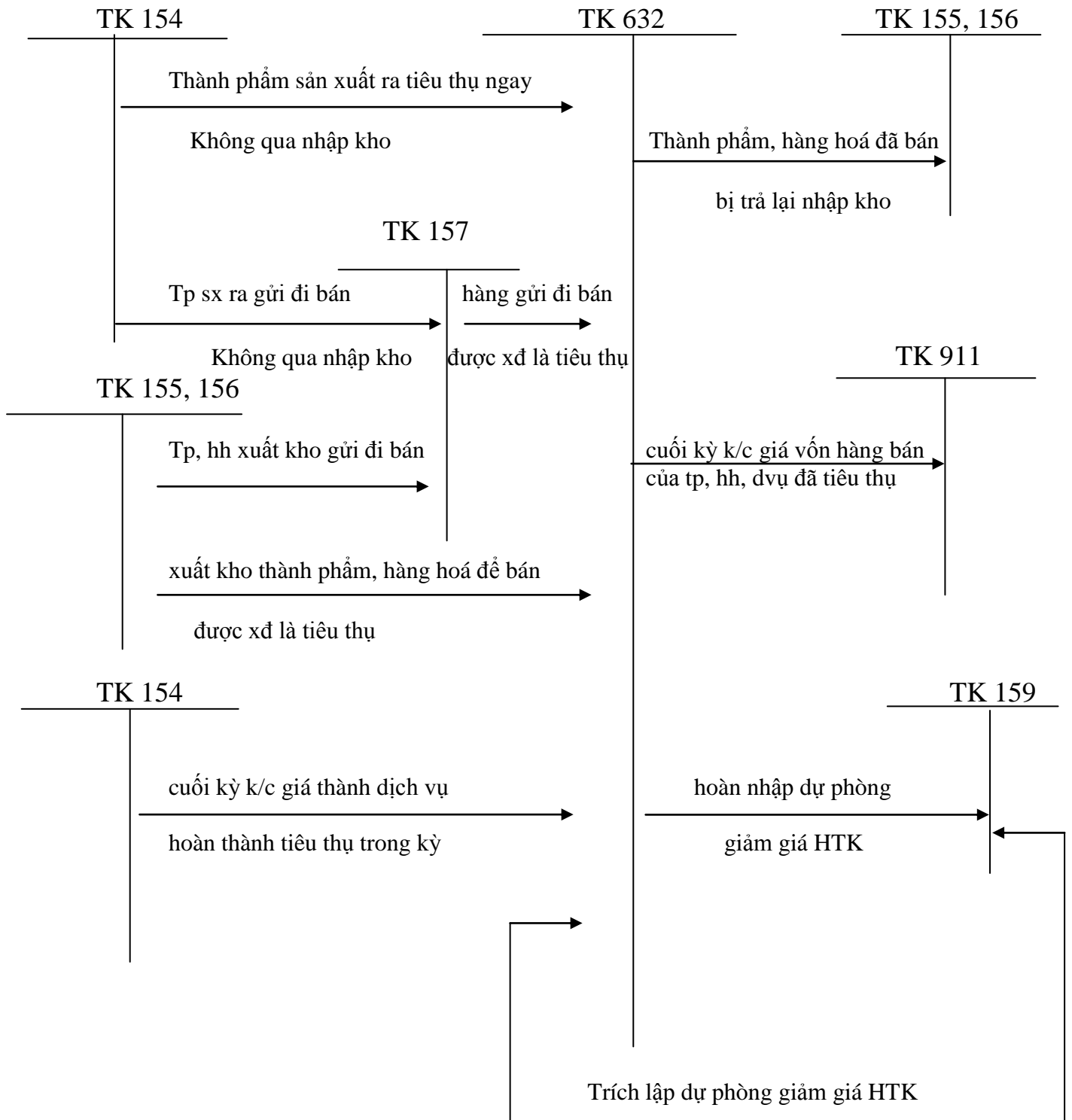
• **Phương pháp tính theo giá đích danh**

Phương pháp này được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

- Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán (Theo phương pháp kê khai thường xuyên) được khái quát theo sơ đồ sau;

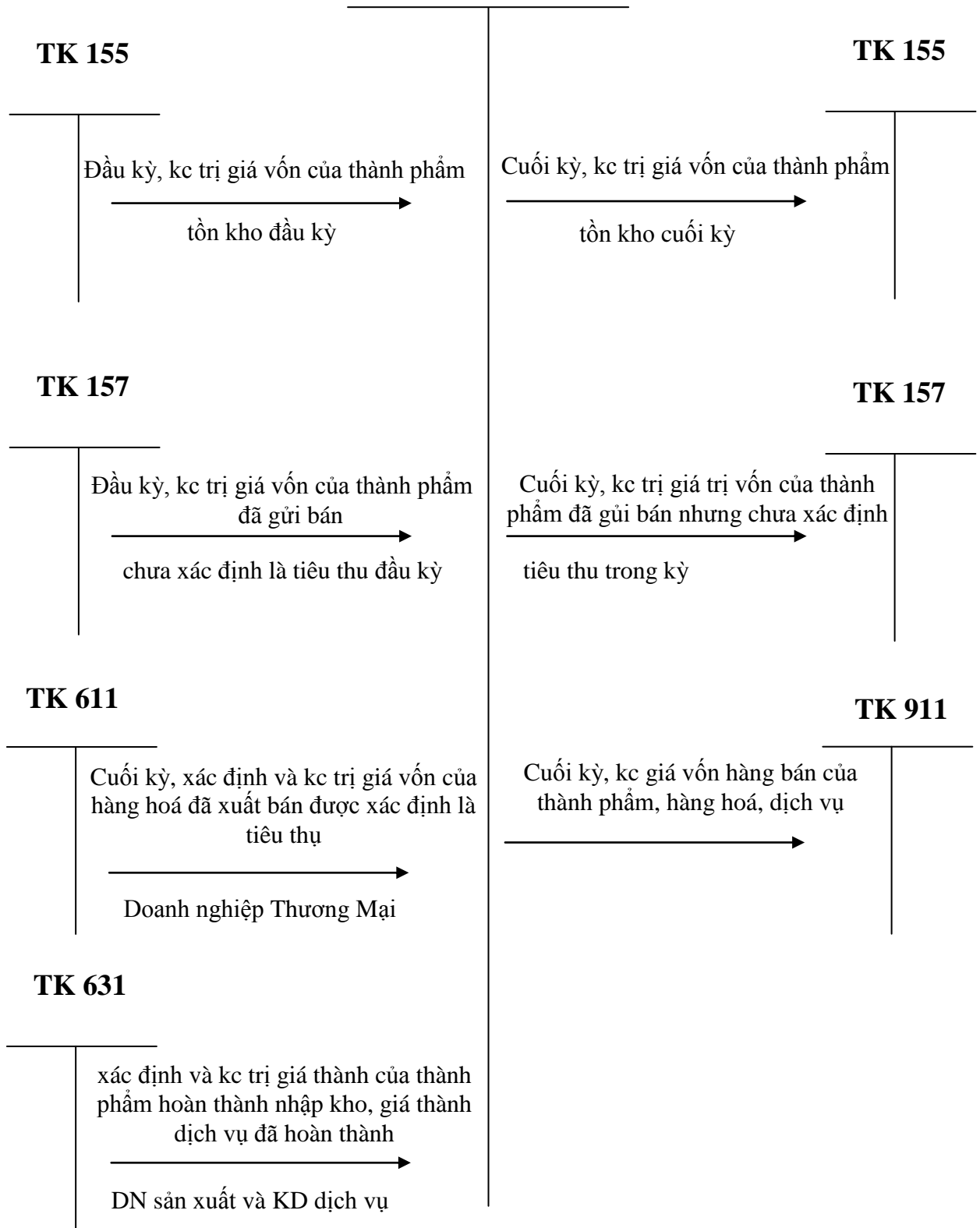
Sơ đồ 1.3 SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN THEO PHƯƠNG PHÁP KÊ KHAI THƯỜNG XUYÊN



- Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ) được khái quát theo sơ đồ sau:

1.2.4. Tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Sơ đồ 1.4: SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN CHI PHÍ BÁN HÀNG THEO PHƯƠNG PHÁP KIỂM KÊ ĐỊNH KỲ TK 632



1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

***) TK 641: Chi phí bán hàng**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp

● Bên Nợ

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ

● Bên Có

Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

- TK 641 có 7 tiểu khoản cấp 2:
 - + TK 6411: Chi phí nhân viên
 - + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
 - + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - + TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
 - + TK 6415: Chi phí bảo hành
 - + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác
- Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

***) TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong một kỳ hạch toán.

● Bên Nợ

- + Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

+ Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)

+ Dự phòng trợ cấp mất việc làm

● Bên Có

+ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)

+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- Tài khoản 642 có 8 tiểu khoản cấp 2:

+ TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý

+ TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý

+ TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

+ TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

+ TK 6425: Thuế, phí và lệ phí

+ TK 6426: Chi phí dự phòng

+ TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

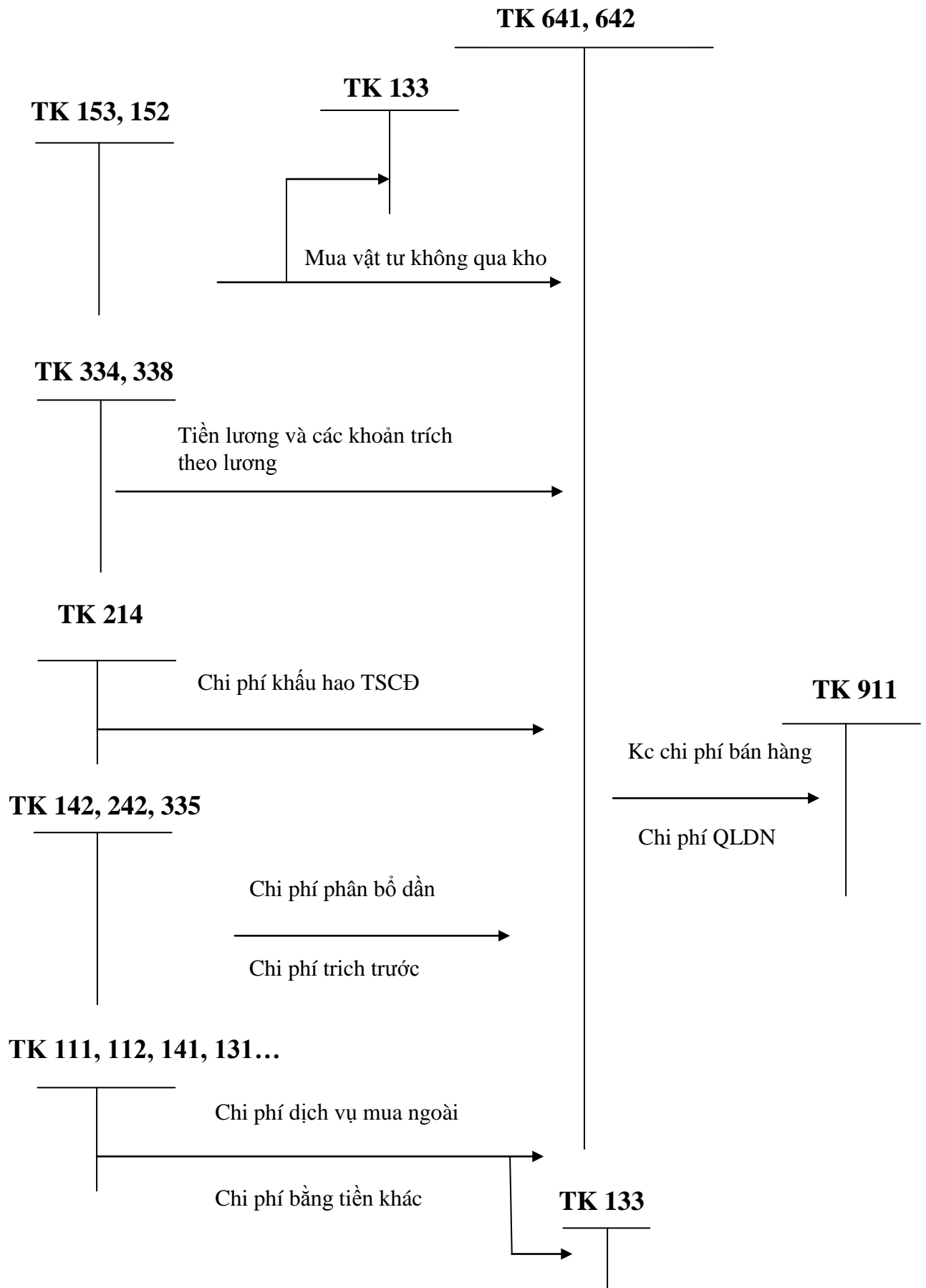
+ TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

- Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ sau

Sơ đồ 1.5 SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN CPBH VÀ CHI PHÍ QLDN



1.2.4 Tổ chức kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

***) TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

● Bên Nợ

- + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

● Bên Có

- + Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- + Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- + Chiết khấu thanh toán được hưởng
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- + Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- + Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (Giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- + Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
- Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

***) TK 635: Chi phí tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính

● Bên Nợ

- + Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- + Lỗ bán ngoại tệ
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua
- + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh(Lỗ tỷ giá hối đoái đã được thực hiện)
- + Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh(Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán(Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- + Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá hối đoái giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính
- + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác

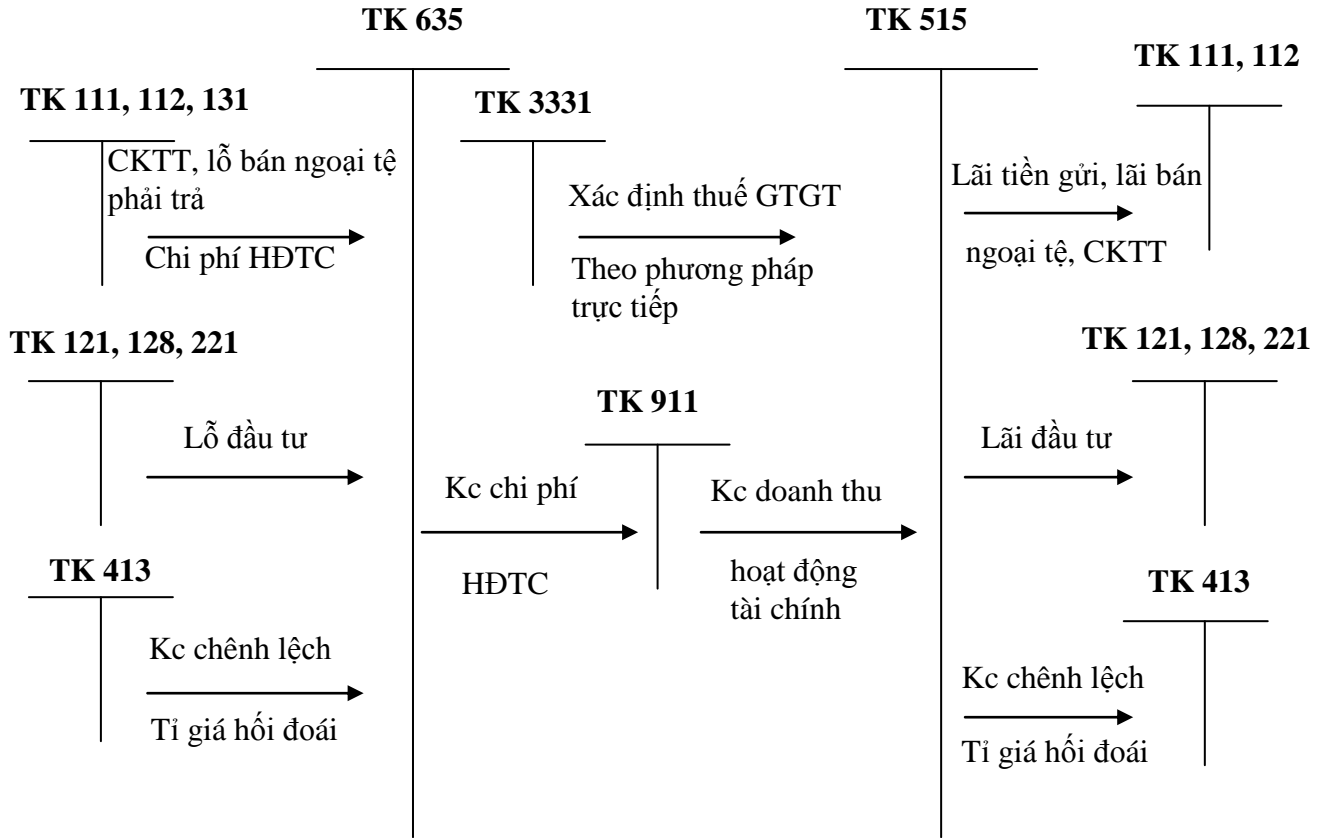
● Bên Có

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- + Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát theo sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.6 SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VÀ
CP HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**



1.2.5 Tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

***) TK 711: Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp

• Bên Nợ

+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

+ Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

• Bên Có

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

***) TK 811: Chi phí khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

• Bên Nợ

Các khoản chi phí khác phát sinh

• Bên Có

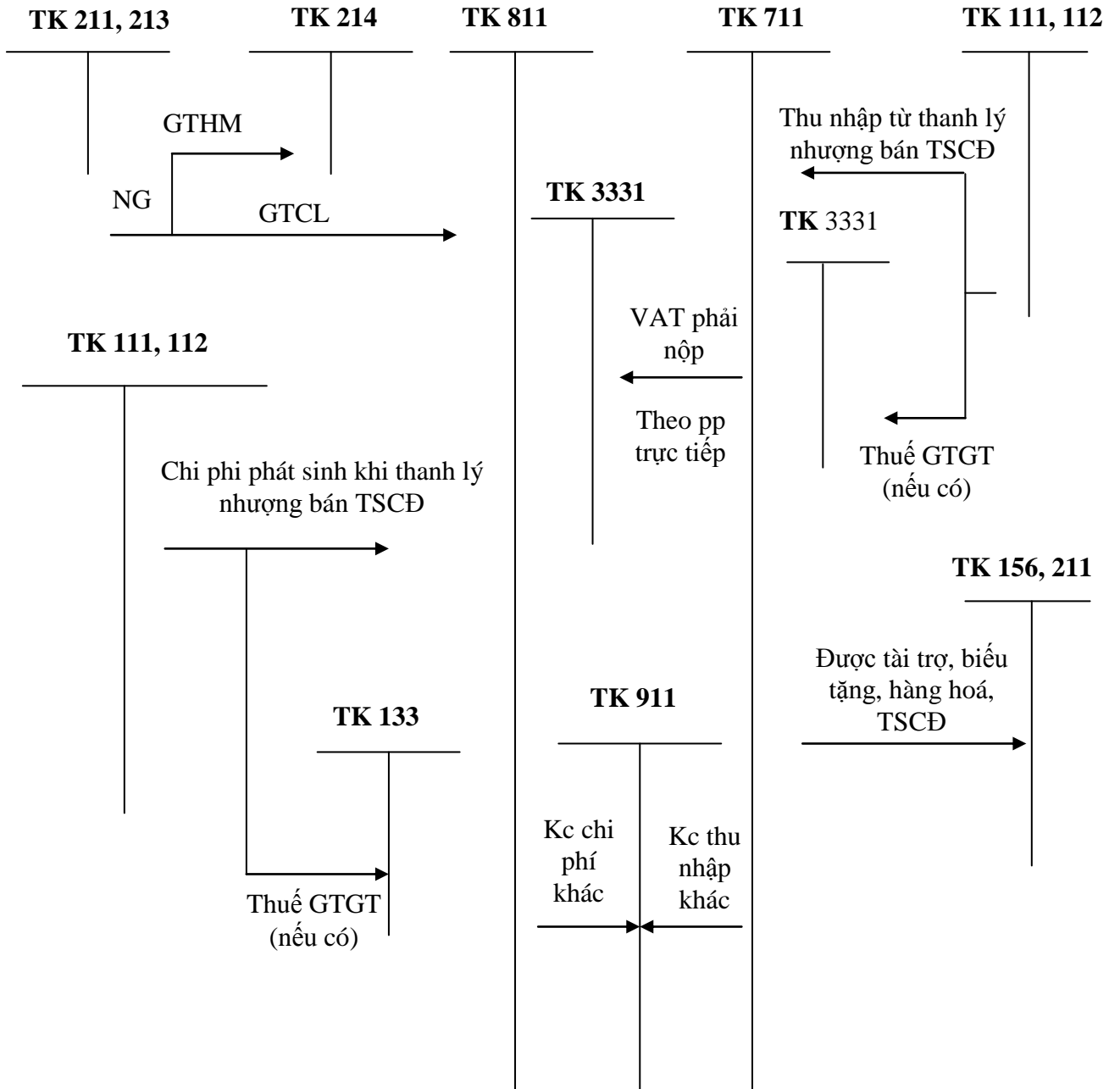
Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.7 SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN THU NHẬP KHÁC VÀ CP KHÁC



1.2.6 Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.7.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng

***) TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

● Bên Nợ

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- + Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác.
- + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- + Kết chuyển lãi

● Bên Có

- + Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ
- + Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN
- + Kết chuyển lỗ
- Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
---	---	--	---	------------------------------

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán
---	---	---	---	------------------

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Chi phí tài chính - Chi phí bán hàng - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Lợi nhuận khác = Doanh thu khác - Chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

***) TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối**

• Bên Nợ

- + Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- + Trích lập các quỹ của doanh nghiệp
- + Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh
- + Bổ sung nguồn vốn kinh doanh
- + Nộp lợi nhuận lên cấp trên

• Bên Có

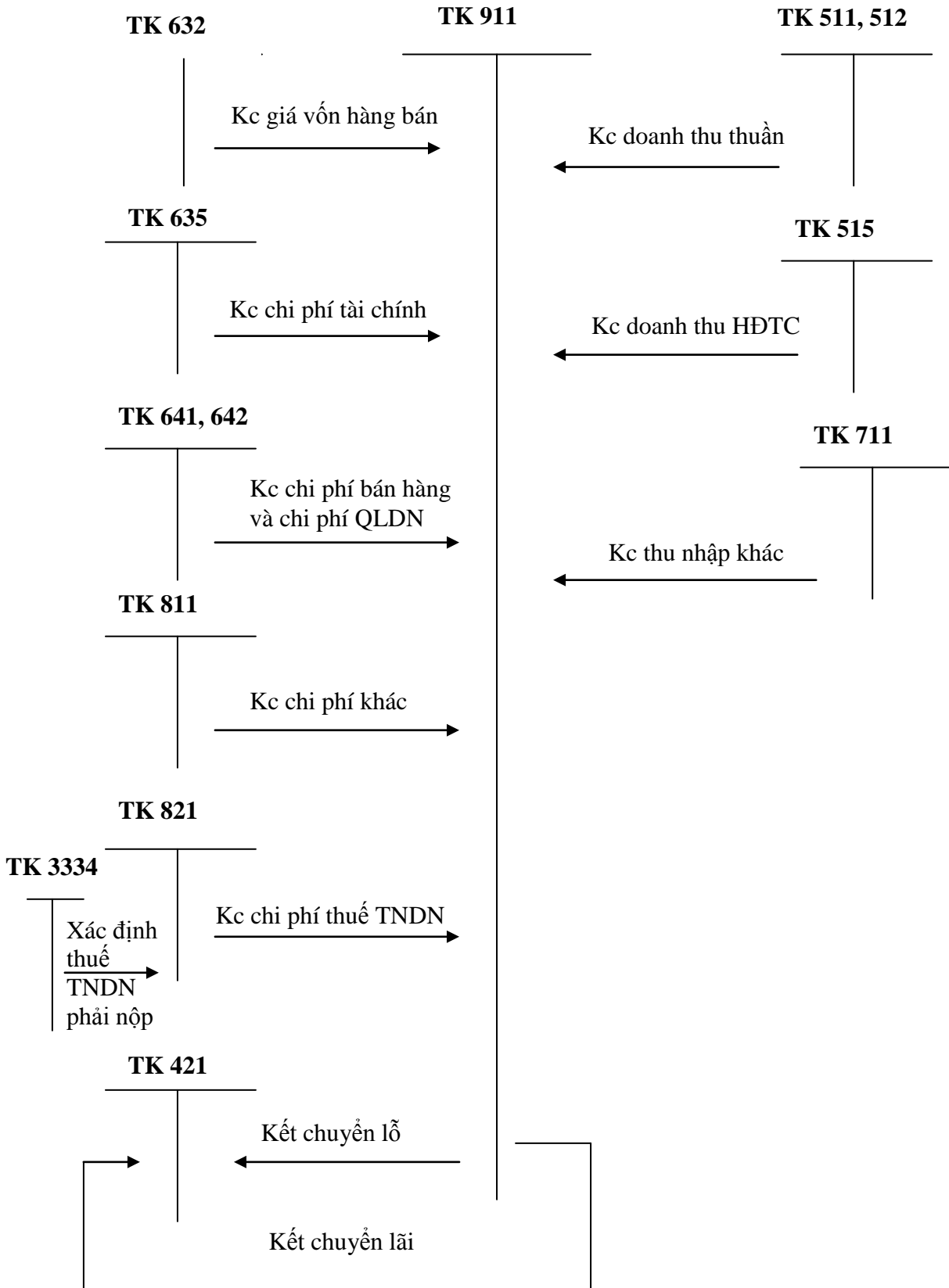
- + Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ
- + Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- + Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh
- TK 421 có 2 tiểu khoản cấp 2:
 - + TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
 - + TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay
- TK 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có
- + Số dư bên Nợ là số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý
- + Số dư bên Có là số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

***) TK 811: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

1.2.7.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ sau

Sơ đồ 1.8: SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH



CHƯƠNG 2

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CƠ
KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI**

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi

+ Tên công ty : **CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI**

+ Tên giao dịch tiếng anh; **THANG LOI COMPANY LIMITED**

+ Tên viết tắt: **THANG LOI CO., LTD**

+ Loại hình doanh nghiệp: **Công ty trách nhiệm hữu hạn**

+ Địa chỉ trụ sở: **Đ- ờng 57A - Thị trấn Lâm - ý Yên - Nam Định.**

+ Điện thoại: **03503.823347**

+ Fax: **03503.823032**

+ Mã số thuế: **0600001213**

+ Tài khoản: **102010000365211 Tại NH Công Th- ơng TP Nam Định**

+ Đơn vị tiền tệ kế toán : Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ là Việt Nam đồng (VNĐ)

- Công ty TNHH Cơ khí Đúc Thăng Lợi là Một doanh nghiệp t- nhân đ- ợc thành lập năm 1993 theo quyết định số 070200000 của phòng kinh doanh thuộc sở kế hoạch và đầu t- tỉnh Nam Định. Công ty có đầy đủ t- cách pháp nhân, có con dấu riêng, hạch toán kế toán độc lập, tự chủ về tài chính theo quy định của pháp luật.

- Các khoản nộp Ngân sách Nhà n- ớc: Công ty TNHH Cơ khí đúc Thăng Lợi nộp đầy đủ thuế theo quy định của pháp luật: Thuế TNDN, thuế GTGT, thuế môn bài, các khoản phí và lệ phí.

- Trụ sở của công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi đóng trên địa bàn Thị trấn Lâm - Huyện Ý Yên - Tỉnh Nam Định .

- Công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi Là một trong những doanh nghiệp đứng đầu về sản xuất sản phẩm từ nguồn nguyên liệu sắt, thép phế liệu và đồng. Trải qua nhiều thăng trầm của nền kinh tế thị trường, cùng với hàng ngoại nhập ồ ạt vào thị trường trong nước nên công ty vẫn đứng vững.

- Sản phẩm chủ yếu của công ty là những chi tiết máy móc phụ tùng phục vụ cho các nhà máy công nghiệp như nhà máy xi măng, nhà máy khai thác quặng, các nhà máy sản xuất mía đường.

- Xuất phát điểm của công ty là một cơ sở đúc các sản phẩm từ nhôm để phục vụ cho nhu cầu thị trường nhất là của người dân. Qua 17 năm hoạt động, đến nay Công ty TNHH Cơ khí đúc Thăng Lợi đã trở thành với một đội ngũ công nhân viên có chất lượng, quy mô hoạt động kinh doanh đã được mở rộng và đa dạng. Công ty đã nhận được sự tín nhiệm của nhiều đối tác cũng như khách hàng trong cả nước và luôn là sự lựa chọn đầu tiên của rất nhiều đối tác lớn.,vừa qua Công ty có sự thay đổi về cơ cấu các phòng ban, cơ cấu nhân sự nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty.

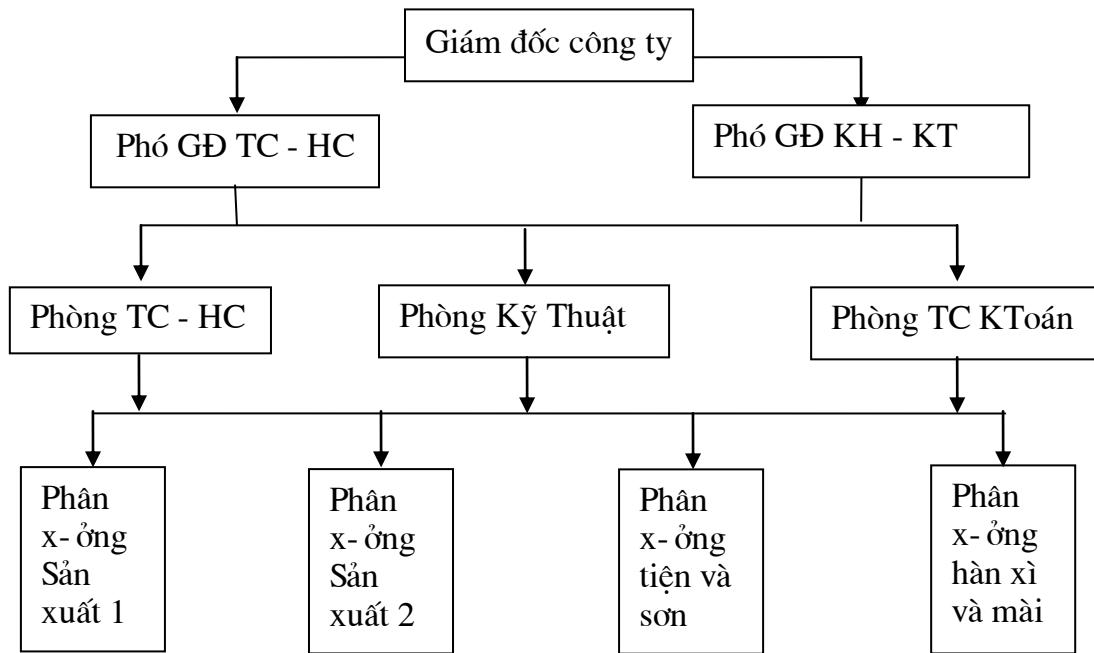
- Hơn nữa để đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn ổn định giữ vững uy tín trên thị trường công ty đã không ngừng đổi mới công tác tiếp thị tiêu thụ sản phẩm, coi đó là một trong những biện pháp quan trọng để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty mở rộng địa bàn tiêu thụ sản phẩm trên toàn quốc, giảm bớt các thủ tục rườm rà tránh gây phiền hà, mất thời gian trong phương thức bán hàng để sản phẩm đến với khách hàng một cách nhanh chóng nhất. Do vậy, sản lượng và doanh thu của công ty không ngừng tăng lên.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi

2.1.2.1. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi

Công ty TNHH cơ khí Đúc Thăng Lợi là một đơn vị hạch toán độc lập, sản xuất sản phẩm tập trung tại một địa điểm nên bộ máy quản lý công ty được tổ chức theo kiểu trực tiếp, quản lý theo chế độ một thủ trưởng, đảm bảo độ nhanh nhạy chính xác trong khâu quản lý.

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức quản lý tại Công ty TNHH Cơ khí đúc Thăng Lợi :



Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận, phòng ban

+ *Giám đốc Công ty:*

Là ng-ời nắm giữ quyền hạn cao nhất trong Công ty, điều hành và quản lý chung mọi hoạt động của Công ty thông qua phó giám đốc và các phòng ban chức năng. Giám đốc đại diện và chịu trách nhiệm tr-ớc pháp luật về những quyết định quản lý của mình và các hợp đồng kinh tế của Công ty. Ngoài ra, Giám đốc còn lập kế hoạch, định h-ớng đ-ờng lối tr-ớc mắt cũng nh- lâu dài nhằm thúc đẩy Công ty phát triển trong nền kinh tế thị tr-ờng.

+ *Phó giám đốc:* Là ng-ời trợ giúp cho giám đốc, chịu trách nhiệm lãnh đạo và chỉ đạo các lĩnh vực hoạt động của công ty theo sự phân công của giám đốc.

- *Phó giám đốc tổ chức hành chính:* Thay mặt Giám đốc thực hiện các công việc điều hành, tổ chức nhân sự các phòng ban, chịu trách nhiệm về chế độ chính sách, chế độ bảo hiểm đời sống của cán bộ công nhân viên tại Công ty.

- *Phó giám đốc kế hoạch - kỹ thuật :*

Thay mặt Giám đốc định ra các kế hoạch, xây dựng dự toán các hợp đồng kinh tế, các đơn đặt hàng. Phó giám đốc kế hoạch - kỹ thuật là ng-ời tổ chức thực hiện và phải chịu rách nhiệm về mặt chuyên môn kỹ thuật, giám sát chất l-ợng sản phẩm trong quá trình sản xuất kinh doanh.

+ *Phòng Tổ chức - Hành chính*: Có trách nhiệm theo dõi tình hình nhân sự của công ty, đồng thời quản lý, điều động các cán bộ kỹ thuật, các công nhân có tay nghề vào các phân x-ởng sản xuất nhằm thực hiện công việc có hiệu quả, đảm bảo đúng ng-ời đúng việc.

+ *Phòng Kỹ thuật*: Có chức năng nghiên cứu, tìm tòi các ph-ong pháp sản xuất có hiệu quả mà tiết kiệm đ-ợc đầu vào tối đa. Nhân viên phòng kỹ thuật phải phân tích các loại mặt hàng từ đó xây dựng các bản vẽ kỹ thuật đáp ứng theo yêu cầu của khách hàng và các bảng định mức nguyên vật liệu, hoá chất cho từng loại mặt hàng

+ *Phòng Tổ chức - Kế toán*:

Có nhiệm vụ giúp tổng giám đốc tổ chức chỉ đạo công tác kế toán và thống kê, đồng thời kiểm tra, kiểm soát công tác tài chính của công ty, có trách nhiệm quản lý vốn, quỹ, tài sản, bảo toàn và sử dụng vốn của công ty có hiệu quả, lập báo cáo quyết toán hàng quý, hàng năm lên cơ quan cấp trên, cơ quan thuế và các đối t-ợng khác.

+ *Các Phân x-ởng sản xuất*: Có chức năng thực hiện các công việc do phòng ban lãnh đạo phân công và yêu cầu nhằm hoàn thiện công việc theo đúng tiến độ thời hạn trong các hợp đồng kinh tế mà Công ty đã đảm nhận

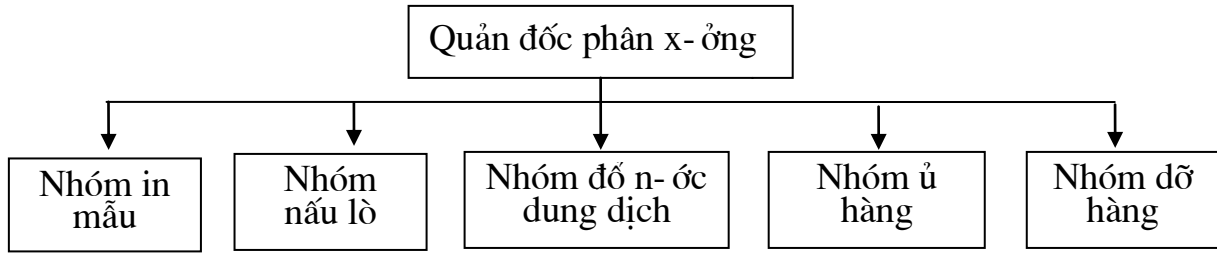
+ *Phân x-ởng tiện và sơn*: Có chức năng hoàn thiện các sản phẩm do phân x-ởng sản xuất chuyển sang theo đúng kỹ thuật và yêu cầu của bản vẽ, cấp trên

+ *Phân x-ởng hàn xì và mài* : Có nhiệm vụ là phải hàn nối các sản phẩm riêng lẻ thành một khối theo yêu cầu và mài nhẵn đối với một số sản phẩm yêu cầu có tính thẩm mỹ.

2.12.2. Đặc điểm tổ chức quản lý sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất tại công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi

Công ty TNHH Cơ khí đúc Thăng Lợi chuyên sản xuất các mặt hàng đồng, gang, sắt, thép theo hợp đồng kinh tế và theo đơn đặt hàng của khách hàng.

- **Sơ đồ 2.2: Tổ chức quản lý sản xuất tại công ty TNHH Cơ khí đúc Thăng Lợi:**



Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận :

+ Quản đốc phân x-ởng: Phân công phần việc cho từng nhóm và đơn đốc, kiểm tra tiến độ công việc của từng nhóm

+ Nhóm in mẫu: Làm khuôn mẫu theo yêu cầu của phòng kỹ thuật

+ Nhóm nấu lò: Cho nguyên vật liệu đầy đủ và đúng tỉ lệ cho vào lò nấu, phải theo dõi và kiểm tra nhiệt độ của lò thường xuyên

+ Nhóm đổ n-ớc dung dịch: Khi dung dịch được nấu xong thì phải dùng máy múc n-ớc dung dịch trong lò nấu ra và đổ vào mẫu in theo yêu cầu

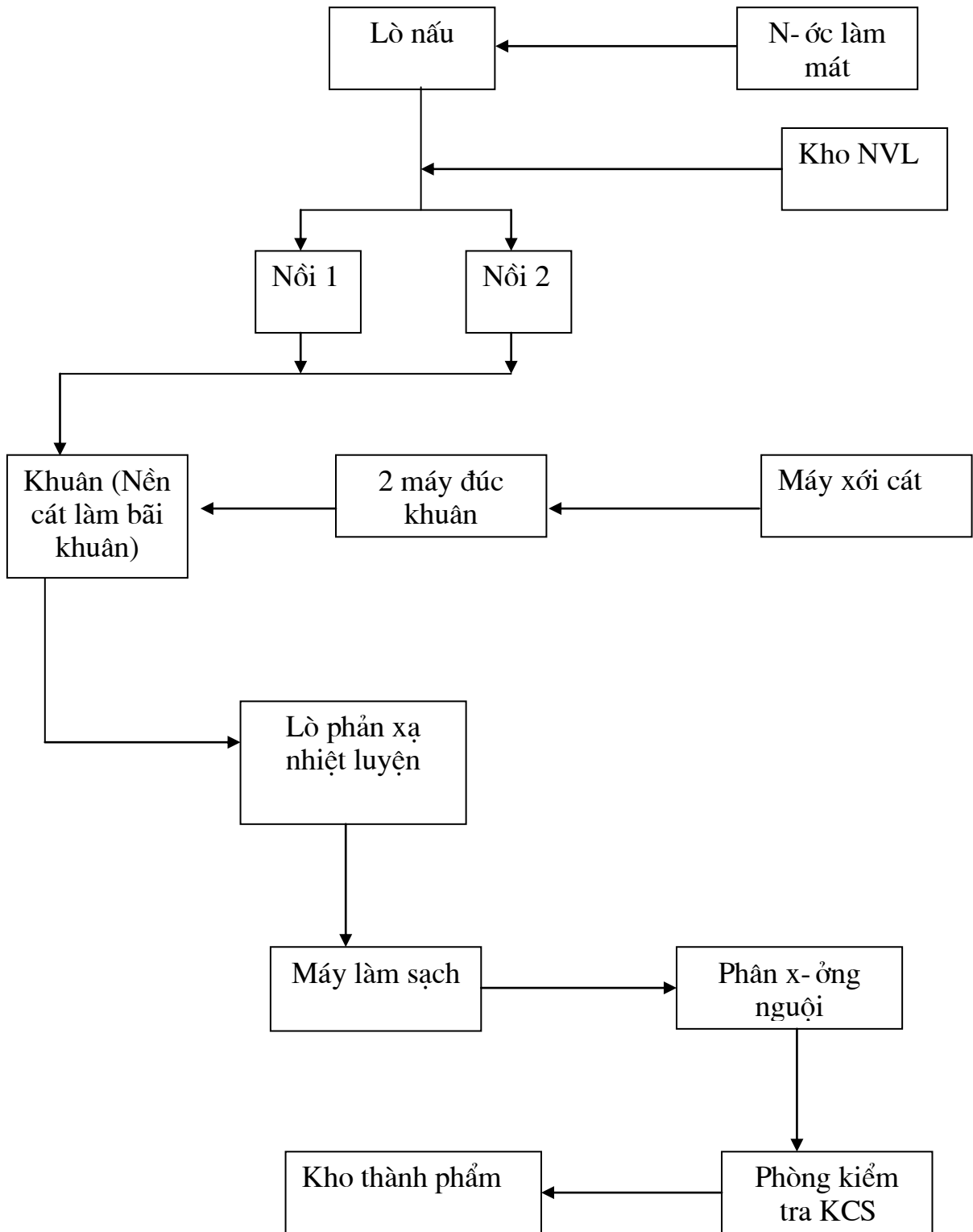
+ Nhóm ủ hàng: Có nhiệm vụ đưa số sản phẩm cần ủ vào lò ủ và điều chỉnh nhiệt độ lò sao cho phù hợp với từng loại mặt hàng

+ Nhóm dỡ hàng: Có nhiệm vụ dỡ những sản phẩm mà nhóm ủ và nhóm đổ n-ớc dung dịch đã làm .

- **Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm:** Bộ phận sản xuất của công ty được bố trí thành 3 phân x-ởng, tổ chức theo dây chuyền khép kín, bao gồm : phân x-ởng tạo khuôn mẫu, phân x-ởng đúc, phân x-ởng gia công.

Tuy sản phẩm của công ty là phong phú và đa dạng, được làm trên một dây chuyền khép kín, mỗi loại có quy trình công nghệ riêng nhưng có thể khái quát quá trình sản xuất sản phẩm của công ty qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi:



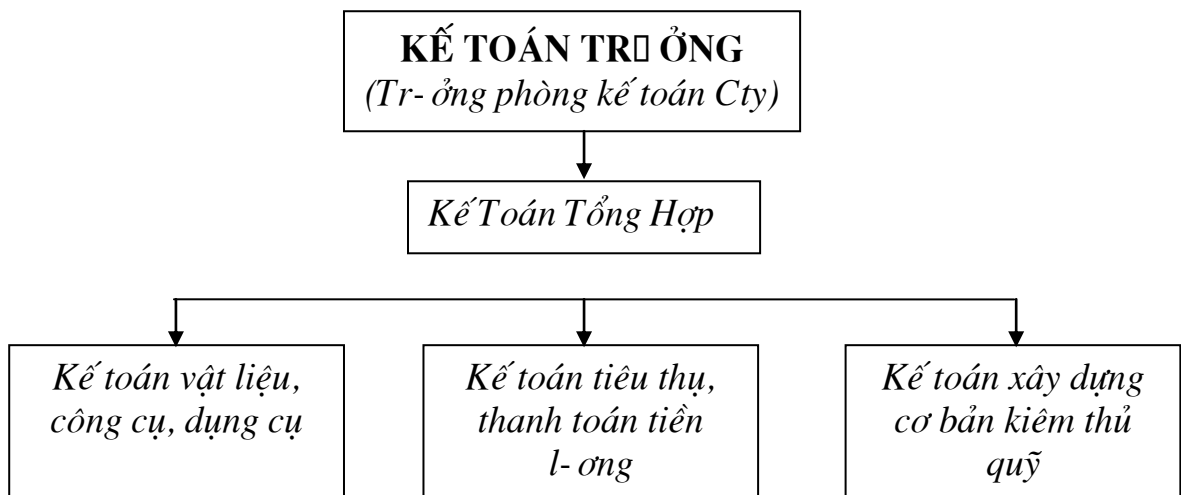
2.1.3. Đặc điểm bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Cơ khí đúc Thăng Lợi :

2.1.3.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi:

Do hoạt động tập trung trên địa bàn với nhiệm vụ chính là sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cơ khí đúc nên Công ty áp dụng mô hình bộ máy **kế toán tập trung**. Theo mô hình này toàn bộ công việc kế toán từ thu thập, xử lý, luân chuyển chứng từ, ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán, phân tích hoạt động kinh doanh đều do phòng kế toán Công ty thực hiện.

Phòng kế toán gồm 4 ng- ời: 1 Kế toán tr- ởng kiêm kế toán tổng hợp và 3 Kế toán viên.

Sơ đồ 2.4: *Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Cơ khí đúc Thăng Lợi:*



2.1.3.2. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận nh- sau:

+ Kế toán tr- ởng

Chịu trách nhiệm h- ớng dẫn, kiểm tra các công việc do kế toán viên thực hiện, đồng thời chịu trách nhiệm trước ban giám đốc cũng nh- cơ quan về số liệu mà kế toán cung cấp

+ Kế toán tổng hợp

Kế toán tổng hợp có nhiệm vụ chủ yếu là tổ chức kế toán tổng hợp, lập báo cáo tài chính của công ty, giúp cho kế toán tổ chức thông tin kinh tế, phân tích hoạt động kinh doanh, tổ chức bảo quản hồ sơ tài liệu kế toán, tổ chức tổng hợp và chi tiết nguồn vốn kinh doanh, các quỹ tại doanh nghiệp

+ Kế toán vật liệu, công cụ, dụng cụ :

Nhiệm vụ : tổ chức chứng từ, tài khoản và số liệu nhập, xuất, tồn kho vật liệu, công cụ, dụng cụ .

+ Kế toán tiêu thụ, thanh toán tiền l- ơng :

Nhiệm vụ: Theo dõi, giám sát chặt chẽ, tổ chức chứng từ, tài khoản liên quan đến tình hình nhập, xuất, tồn kho từng loại thành phẩm. Đồng thời, kế toán tiêu thụ và thanh toán tiền l- ơng còn có nhiệm vụ theo dõi quá trình tiêu thụ, các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng nh- các khoản phải nộp NSNN ; lập phiếu thu, phiếu chi, theo dõi công nợ với khách hàng, với cán bộ, công nhân viên trong công ty; lập bảng phân bổ tiền l- ơng và các khoản trích theo l- ơng cho các đối t- ơng có liên quan .

+ Kế toán xây dựng cơ bản kiêm thủ quỹ :

Nhiệm vụ: tổ chức chứng từ, tài khoản, ghi chép cho từng công trình xây dựng của công ty, chịu trách nhiệm về công tác thu, chi tiền mặt, giao dịch với ngân hàng...

2.1.3.3. Chế độ và các chính sách kế toán tại công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi :

Chế độ kế toán của công ty áp dụng hiện nay theo quyết định 15/2006/QĐBTC ban hành ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính có sửa đổi cho phù hợp với SXKD của công ty.

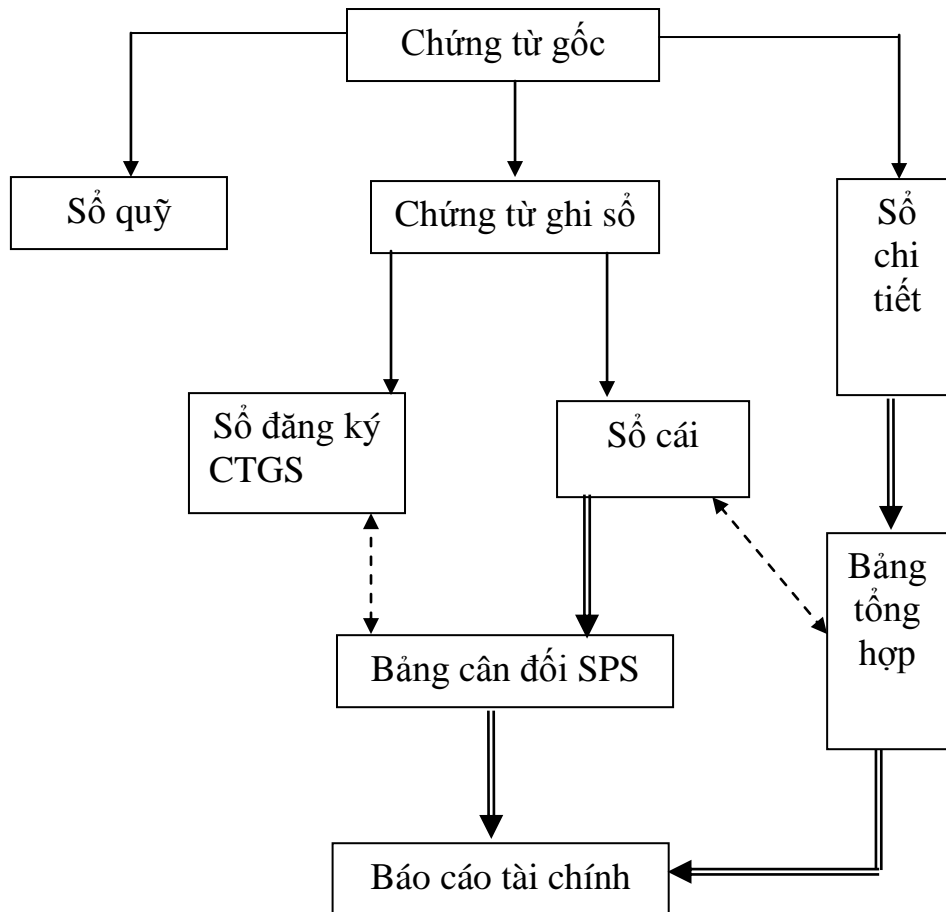
- Niên độ kế toán: Từ ngày 1/1 đến ngày 31/12
- Kỳ kế toán : tháng
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc ghi chép kế toán: VNĐ, nguyên tắc chuyển đổi từ đơn vị tiền tệ khác sang VNĐ theo tỷ giá thực tế do ngân hàng Nhà n- ớc Việt Nam tuyên bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ
- Ph- ơng pháp kế toán hàng tồn kho
- + Ph- ơng pháp tính giá xuất kho: theo ph- ơng pháp bình quân gia quyền
- + Ph- ơng pháp giá hạch toán hàng tồn kho: Theo ph- ơng pháp KKTX
- Ph- ơng pháp tính toán các khoản dự phòng, trích lập và hoàn nhập dự phòng theo chế độ quy định quản lý tài chính hiện hành.

- Hình thức kế toán doanh nghiệp đang áp dụng: là hình thức “**Chứng từ ghi sổ**”, hạch toán đ-ợc thực hiện bằng ghi chép thủ công. Hệ thống tài khoản, hệ thống sách chứng từ đ-ợc áp dụng theo chế độ kế toán quy định

- Hệ thống báo cáo Tài Chính: Bảng CĐKT, Báo cáo KQSXKD, Thuyết minh báo cáo tài chính, tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà n-ớc, Bảng cân đối TK.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tr-ởng Bộ Tài chính ban hành.

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ tại Công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi



Chú thích :

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu

1. Hàng ngày (định kỳ) căn cứ vào chứng từ gốc hợp pháp tiến hành phân loại, tổng hợp để lập chứng từ ghi sổ, ghi sổ quỹ tiền mặt và sổ, thẻ kế toán chi tiết.

2. Căn cứ vào các chứng từ ghi sổ để lập để ghi vào sổ cái các tài khoản để hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh.

3. Cuối tháng căn cứ vào sổ kế toán chi tiết lập bảng tổng hợp số liệu chi tiết.

4. Căn cứ vào sổ cái các tài khoản, lập bảng cân đối phát sinh.

5 + 6. Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh các TK và bảng tổng hợp số liệu chi tiết lập báo cáo kế toán.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

2.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*** Quá trình tiêu thụ tại Công ty**

Tiêu thụ là giai đoạn tiếp theo của quá trình sản xuất, là cầu nối giữa sản xuất – phân phối sản phẩm – tiêu dùng. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề tiêu thụ với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm.

Hiện nay, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty chủ yếu là từ thành phẩm (TK 155), Công ty không sử dụng tài khoản 156 – Hàng hoá, do Công ty không bán hàng theo phương thức hàng gửi đi bán nên không sử dụng TK 157 – Hàng hoá gửi bán.

Về khối lượng sản phẩm bán : Được thoả thuận chi tiết với khách hàng khi ký kết hợp đồng làm căn cứ cho phòng kế hoạch lên kế hoạch sản xuất đảm bảo giao hàng đúng đủ theo hợp đồng.

Về giá sản phẩm: Được ghi trên bảng giá do Công ty đưa ra. Giá các sản phẩm này tương đối ổn định, vừa đáp ứng khả năng thanh toán của mọi khách hàng, vừa đảm bảo tính cạnh tranh với các đơn vị khác...

Như đã giới thiệu ở phần trên, lĩnh vực hoạt động của Công ty chủ yếu là do sản xuất phối đồng, các chi tiết máy nên doanh thu của Công ty được từ hoạt động bán hàng, sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty bán hàng chủ yếu dựa vào các hoạt động ký kết với khách hàng. Công ty sản xuất theo hợp đồng và theo đơn đặt hàng nên không có tồn cuối kỳ mà chỉ có sản phẩm dở dang. Khi ghi nhận doanh thu, Công ty sử dụng hoá đơn GTGT. Hoá đơn được lập thành 3 liên:

Liên 1: màu tím lưu ở cuống.

Liên 2: màu đỏ giao cho khách hàng.

Liên 3: màu xanh lưu kế toán để hạch toán.

a) Các phương thức bán hàng tại Công ty

Bán hàng theo phương thức trực tiếp: Khách hàng có nhu cầu mua sản phẩm thì đến Công ty ký kết hợp đồng.

b) Các phương thức thanh toán

***) Phương thức bán chịu (giao hàng trước, thanh toán sau)**

Phương pháp này được áp dụng cho những khách hàng lớn, có khả năng tài chính, khách hàng truyền thống...

Khi giao hàng, thủ kho lập biên bản giao nhận giữa 2 bên, biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản.

Căn cứ vào biên bản giao nhận hàng, kế toán yêu cầu bên mua lập phiếu đề nghị cấp hoá đơn và thời gian thanh toán. Đồng thời kế toán sẽ hạch toán và ghi sổ nghiệp vụ phát sinh này. Trong trường hợp này, kế toán sẽ hạch toán như sau:

Nợ TK 131: Phải thu của khách hàng

Có TK 511: Doanh thu bán hàng

Có TK 3331: Thuế GTGT đầu ra

Đồng thời, kế toán sẽ ghi nhận giá vốn của thành phẩm như sau:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có Tk 155: Thành phẩm

Với TK 131, Công ty sẽ mở sổ chi tiết theo dõi công nợ cho từng khách hàng.

***) Phương thức giao hàng trả tiền ngay**

Trả tiền mặt hoặc séc chuyển khoản... phương pháp này áp dụng với mọi khách hàng để đảm bảo thu hồi vốn nhanh phục vụ cho hoạt động sản xuất tránh tình trạng chiếm dụng vốn.

Khi khách hàng có nhu cầu mua sản phẩm của Công ty thì sẽ liên hệ phòng kinh doanh (bộ phận bán hàng) của Công ty. Bộ phận bán hàng sẽ ghi mã số sản phẩm mà khách hàng muốn mua vào đơn đặt hàng. Đơn đặt hàng được lập thành 03 liên: 01 liên lưu ở phòng kế toán, 01 liên lưu ở phòng kinh doanh, 01 liên đưa cho khách hàng. Khách hàng sẽ cầm đơn đặt hàng này đến phòng kế toán để trả tiền và lấy hoá đơn (kèm phiếu xuất kho). Do đó, khi có hoá đơn, khách hàng sẽ trở lại phòng kinh doanh đưa đơn đặt hàng và hoá đơn cho bộ phận bán hàng để lấy hàng. Thủ kho khi xuất hàng giữ lại 01 phiếu đặt hàng làm cơ sở đối chiếu với số liệu phòng kế toán. Sau khi xuất hoá đơn, kế toán sẽ ghi vào phiếu đặt hàng số của hoạt động đó.

Trong trường hợp khách hàng mà không cần hoá đơn GTGT thì kế toán sẽ lập phiếu thu cho khách hàng, khách hàng sẽ cầm phiếu thu này, cùng với đơn đặt hàng đến phòng kinh doanh để nhận hàng.

Đến cuối tháng, đối với những khách hàng không lấy hoá đơn, kế toán sẽ tổng hợp các phiếu thu để ghi vào 1 hoá đơn GTGT. Hoá đơn này được lưu lại ở Công ty cả 03 liên. Trên dòng “ Tên khách hàng” kế toán sẽ ghi là “ Khách hàng mua lẻ”. Sở dĩ kế toán ghi như vậy để làm cơ sở để lập bảng kê hàng hoá, dịch vụ bán ra đồng thời để Công ty biết được trong tháng đã bán với số lượng bao nhiêu để làm cơ sở xác định doanh thu.

***) Chứng từ sử dụng**

- Hợp đồng mua bán hàng hoá
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu

***) Sổ sách kế toán sử dụng**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ
- Sổ cái, sổ chi tiết TK: 511, 512, 515, 911, 421, 3331, 632, 155....
- Bảng kê hàng hoá dịch vụ bán ra
- Sổ chi tiết bán hàng
- Bảng tổng hợp doanh thu, bảng tổng hợp tiêu thụ sản phẩm theo giá vốn

***) Tài khoản sử dụng**

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.
- TK 131: Phải thu của khách hàng, TK này mở chi tiết cho từng khách hàng.
- TK 155: Thành phẩm.
- TK 632: Giá vốn hàng bán.
- TK 3331: Thuế GTGT đầu ra.
- Các tài khoản liên quan khác (TK911, 421...)

* **Ví dụ:** Ngày 31 tháng 12 năm 2009 căn cứ vào hoá đơn bán hàng số 0081869 với nội dung: Doanh thu do bán hàng thành phẩm thu được là 644.397.380 đồng, kế toán viết phiếu thu, chứng từ ghi sổ, vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và vào sổ cái TK 511

Nợ TK 111: 676.617.250

Có TK 511: 644.397.380

Có TK 3331: 32.219.870

Biểu 2.1

PHIẾU THU SỐ 175

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI

Mẫu số C30 – BB

PHIẾU THU

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Số 175

ngày 20 tháng 03 năm 2006

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

của Bộ trưởng BTC

Họ tên người nộp: **Dương Xuân Toàn**

Địa chỉ: Cán bộ công ty

Lý do nộp: Thu tiền bán hàng

Số tiền: 676.617.250

Viết bằng chữ: **Sáu trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm mười bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng.**

Kèm theo: 01 hợp đồng chứng từ gốc số 0081869

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Sáu trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm mười bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị kế toán trưởng người lập người nhận thủ quỹ

(ký họ tên, đóng dấu) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)

Biểu 2.2

HOÁ ĐƠN GTGT

HÓA ĐƠN
Giá trị gia tăng
Lưu 03: nội bộ

Mẫu số: 01 GTGT – SLL
ML/ 2009B
0081869

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI**

Địa chỉ: **Ý YÊN - NAM ĐỊNH**

Số tài khoản:

Số điện thoại:

Mã số thuế:

Họ tên người mua hàng

Tên đơn vị: **Công ty TNHH Đúc đồng Mai Hương**

Địa chỉ: TT Lâm – Ý Yên – Nam Định

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

MS: 0300026

TT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Phôi đúc	Kg	85.979	7.494.82	644.397.380
	Cộng tiền hàng				644.397.380
	Thu suất GTGT 5%			tiền thuế GTGT	32.219.870
	Tổng cộng tiền thanh toán				676.617.250

Số tiền viết bằng chữ: **Sáu trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi đồng.**

Người mua hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)
Giám đốc

Biểu 2.3: CHỨNG TỪ GHI SỔ SỐ 161
CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐỨC THẮNG LỢI

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 161

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	ngày		Nợ	Có		
PT	31/12/09	Doanh thu bán hàng	111	511	644.397.380	
175		VAT đầu ra	111	3331	32.219.870	
		Cộng			676.617.250	

Kèm theo 01 bản chứng từ gốc

người lập
(ký họ tên)

Kế toán trưởng
(ký họ tên)

**Biểu 2.4 SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ
CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI
Ý YÊN - NAM ĐỊNH**

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Năm 2009**

Chứng từ ghi số		số tiền	Chứng từ ghi số		số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
...			
90	31/08/09	413.114.760			
...			
119	31/10/09	504.914.517			
...			
128	31/10/09	4.295.466			
...			
137	10/11/09	735.000			
...			
140	31/12/09	16.700.000			
...			
145	31/12/09	11.530.000			
...			
...			
159	31/12/09	598.617.650			
...			
161	31/12/09	676.617.250			
162	31/12/09	4.074.051			
163	31/12/09	4.295.466			
164	31/12/09	735.000			
165	31/12/09	4.287.743.252			
166	31/12/09	4.184.813.322			
167	31/12/09	25.732.483			
168	31/12/09	77.197.447			
Cộng tháng			Cộng tháng		
Cộng lũy kế		38.923.361.148	Cộng lũy kế		

Sổ này có 03 trang, đặt số từ trang 01 đến trang 03

Biểu 2.5 : SỔ CÁI TK 511

**CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI
Ý YÊN - NAM ĐỊNH**

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Năm 2009

Chứng từ ghi số		diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
		Số PS trong năm			
...
...
161	31/12/09	Doanh thu tháng 12	111		644.397.380
165	31/12/09	KC doanh thu	911	4.287.743.252	
		Tổng phát sinh		4.287.743.252	4.287.743.252
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(ký họ tên)

Kế toán trưởng

(ký họ tên)

(Trích từ sổ cái TK 511 của Công ty TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI)

2.2.2. Tổ chức kế toán các khoản trừ doanh thu

Mặc dù có những cải tiến trong quá trình sản xuất kinh doanh và tiêu thụ nhưng vẫn còn tồn tại một số lượng hàng có thể do khâu vận chuyển, bảo quản dẫn đến sản phẩm bị giảm chất lượng hoặc sai sót mẫu mã quy cách so với yêu cầu chung...nếu bị khách hàng trả lại. Giá trị của hàng bán bị trả lại sẽ được điều chỉnh doanh thu của khối lượng sản phẩm hàng đã xuất bán ra trong kỳ, làm giảm trừ doanh thu.

Bên cạnh đó, Công ty cũng áp dụng phương thức giảm giá bán hàng. Những mặt hàng mà Công ty giảm giá chủ yếu là những hàng tồn kho, những sản phẩm chất lượng không cao như sai sót về quy cách, mẫu mã không đạt yêu cầu. Tỷ lệ giảm giá phụ thuộc vào khối lượng khách hàng mua. Giảm giá hàng bán được ghi nhận khi 2 bên mua và bán đã đồng ý giảm giá khối lượng hàng đã bán, và người mua chấp nhận mua số hàng đối với điều kiện bên bán giảm giá bán.

Chiết khấu thương mại là một phương thức nhằm kích thích tiêu thụ hàng hoá một cách hữu hiệu. Nghĩa là khách hàng sẽ hưởng tỷ lệ phần trăm giảm trừ tương ứng với khối lượng mua theo quy định. Tuy nhiên, tại Công ty không áp dụng phương thức này trong kinh doanh. Vì vậy không sử dụng TK 521

Để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng các tài khoản

TK 531: Hàng bán bị trả lại

TK 532: Giảm giá hàng bán

***) Sổ sách sử dụng**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 531, 532, 511
- Sổ sách chứng từ liên quan

***) Quy trình luân chuyển chứng từ các khoản giảm trừ doanh thu**

Từ các chứng từ liên quan đến giảm trừ doanh thu kế toán tập hợp lại ghi vào chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ kế toán lập các sổ cái TK 531, 532, đồng thời hết chuyển sang TK 511

Trong năm 2009, Công ty không phát sinh nghiệp vụ làm giảm trừ doanh thu nên em không trích ví dụ ra.

2.2.3. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán

Trị giá vốn hàng bán tại Công ty được tính theo phương pháp bình quân giá. Để phản ánh giá vốn hàng bán, Công ty sử dụng TK 632 – giá vốn hàng bán Công ty theo dõi lượng hàng bán nhập - xuất - tồn dựa theo báo cáo của thủ kho. Hàng tháng, thủ kho gửi báo cáo về tình hình hàng trong kho cho phòng kế toán. Kế toán không theo dõi giá vốn hàng bán theo mỗi nghiệp vụ của Công ty. Cuối mỗi tháng, kế toán trưởng dựa vào các phiếu xuất hàng, hoá đơn bán hàng và tính toán lượng hàng xuất trong tháng, tiến hành ghi nhận tổng giá vốn hàng bán của thông số vào sổ cái và sổ chi tiết

Hạch toán giá vốn hàng bán

Nợ TK 632

Có TK 155

* **Ví dụ:** Ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty bán 85.979 kg phiôi đúc cho Công ty TNHH Đúc đồng Mai Hương, kế toán ghi nhận giá vốn, viết phiếu xuất kho, CTGS số 159 ngày 31 tháng 12 năm 2009 vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Giá vốn của thành phẩm xuất bán là: 598.517.650 đồng.

Nợ TK 632: 598.517.650

Có TK 155: 598.517.650

Sau đó kế toán vào sổ cái TK 632

Biểu 2.6: PHIẾU XUẤT KHO SỐ 81
CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI

PHIẾU XUẤT KHO
Số : 81
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số 02 – VT
QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
của Bộ trưởng BTC
Nợ TK 154
Có TK 152

Xuất của : Kho của Công ty

Người mua: Công ty TNHH Đúc đồng Mai Hương

Người xuất: Nguyễn Thanh Tùng

STT	Tên vật tư	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá(đ)	Thành tiền(đ)
1	Phôi đúc	Kg	85.979	6.961,2	598.517.650
	Cộng				598.517.650

Tổng số tiền (bằng chữ): Năm trăm chín mươi tám triệu, năm mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng.

Sổ chứng từ kèm theo: 01HĐ số 0081869

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người giao hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.7: CHỨNG TỪ GHI SỔ SỐ 159

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 159

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
PX 81	31/12/09	Giá vốn hàng bán	632	155	598.617.650	
		Cộng			598.617.650	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu 2.8: SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỐ

**CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐỨC THẮNG LỢI
Ý YÊN - NAM ĐỊNH**

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỐ

Năm 2009

Chứng từ ghi số		số tiền	Chứng từ ghi số		số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
...			
90	31/08/09	413.114.760			
...			
119	31/10/09	504.914.517			
...			
128	31/10/09	4.295.466			
...			
137	10/11/09	735.000			
...			
140	31/12/09	16.700.000			
...			
145	31/12/09	11.530.000			
...			
...			
159	31/12/09	598.617.650			
...			
161	31/12/09	676.617.250			
162	31/12/09	4.074.051			
163	31/12/09	4.295.466			
164	31/12/09	735.000			
165	31/12/09	4.287.743.252			
166	31/12/09	4.184.813.322			
167	31/12/09	25.732.483			
168	31/12/09	77.197.447			
Cộng tháng			Cộng tháng		
Cộng lũy kế		38.923.361.148	Cộng lũy kế		

Sổ này có 03 trang, đặt số từ trang 01 đến trang 03

Biểu 2.9: SỔ CÁI TK 632

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐỨC THẮNG LỢI
MST: 0600001213

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng hoá
Số hiệu: 632
Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
		Số PS trong năm			
...	
...		
159	31/12/09	Giá vốn tháng 12	155	598.617.650	
166	31/12/09	KC giá vốn	911		3.845.208.025
		Tổng phát sinh		3.845.208.025	3.845.208.025
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu
(ký họ tên)
Tùng

Kế toán trưởng
(ký họ tên)
Đỗ Thị Đào

(Trích từ sổ cái TK 632 của Công ty TNHH CƠ KHÍ ĐỨC THẮNG LỢI)

2.2.4. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu từ lãi từ gửi ngân hàng. Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, Công ty sử dụng tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

Trong năm 2009 Công ty không phát sinh nghiệp vụ làm tăng giảm doanh thu hoạt động tài chính nên em không trích dẫn ví dụ ra đây.

2.2.5. Tổ chức kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu là khoản tiền lãi vay phải trả ngân hàng. Để hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng TK 635 – chi phí tài chính. Ví dụ: Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty trả lãi ngân hàng với số tiền 4.074.051 đồng.

Kế toán định khoản

Nợ TK 635: 4.074.051

Có TK 112: 4.074.051

Biểu 2.10: CHỨNG TỪ GHI SỔ SỐ 162

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 162

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
			Nợ	Có		
Số	Ngày					
TBNH	31/12/09	Lãi vay ngân hàng	635	112	4.074.051	
		Cộng			4.074.051	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu 2.11: SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

**CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐỨC THẮNG LỢI
Ý YÊN - NAM ĐỊNH**

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2009

Chứng từ ghi số		số tiền	Chứng từ ghi số		số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
...			
90	31/08/09	413.114.760			
...			
119	31/10/09	504.914.517			
...			
128	31/10/09	4.295.466			
...			
137	10/11/09	735.000			
...			
140	31/12/09	16.700.000			
...			
145	31/12/09	11.530.000			
...			
...			
159	31/12/09	598.617.650			
...			
161	31/12/09	676.617.250			
162	31/12/09	4.074.051			
163	31/12/09	4.295.466			
164	31/12/09	735.000			
165	31/12/09	4.287.743.252			
166	31/12/09	4.184.813.322			
167	31/12/09	25.732.483			
168	31/12/09	77.197.447			
Cộng tháng			Cộng tháng		
Cộng lũy kế		38.923.361.148	Cộng lũy kế		

Sổ này có 03 trang, đặt số từ trang 01 đến trang 03

Biểu 2.12: SỔ CÁI TK 635

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THĂNG LỢI
MST: 0600001213

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chí phí tài chính

Số hiệu: 635

Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
		Số PS trong năm			
162	31/12/09	Trả lãi ngân hàng	112	4.074.051	
166	31/12/19	Kc CPTC	911		4.074.051
		Tổng phát sinh		4.074.051	4.074.051
		Số dư của năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(ký họ tên)

Tùng

Kế toán trưởng

(ký họ tên)

Đỗ Thị Đào

(Trích từ sổ cái TK 635 của Công ty TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THĂNG LỢI)

2.2.6. Tổ chức kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là những chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm: Chi phí vận chuyển bốc xếp, chi phí tiền lương cho nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ cho bộ phận bán hàng, chi phí bán hàng... Để tập hợp chi phí bán hàng, Công ty sử dụng TK 641.

Công ty phân bổ chi phí bán hàng theo hình thức tính sau:

$$\text{Chi phí bán hàng phân bổ cho từng loại sản phẩm} = \frac{\text{Tổng chi phí bán hàng}}{\text{Tổng doanh thu bán hàng}} \times \text{Doanh thu của từng loại sản phẩm}$$

***) Quy trình hạch toán**

Khi có chi phí bán hàng phát sinh, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc (Bảng chấm công, bảng thanh toán lương, bảng tính và phân bổ khấu hao, hoá đơn GTGT...) để ghi vào sổ sách kế toán.

***) Sổ sách chứng từ sử dụng**

Khi có chi phí bán hàng phát sinh, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc để ghi vào sổ sách.

- Nếu là chi phí nguyên vật liệu: Căn cứ vào bảng phân bổ vật tư.
- Nếu có chi phí nhân viên bán hàng: Căn cứ vào bảng phân bổ tiền lương.
- Nếu là chi phí khấu hao phục vụ cho bán hàng: Căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao.
- Nếu là chi phí khác bằng tiền phục vụ cho bán hàng: Căn cứ vào hoá đơn GTGT
 - Phiếu chi
 - Bảng phân bổ tiền lương
 - Bảng tính và trích khấu hao TSCĐ
 - Chứng từ ghi sổ
 - Sổ cái TK 641

- Các sổ chi tiết TK 641

***) Ví dụ:**

Căn cứ vào hoá đơn số 0025616 ngày 31 tháng 12 năm 2009 với nội dung: Thuê Công ty Xuân Thành vận chuyển hàng từ Công ty đi Hà Nội (Đông Anh) với số tiền là: 4.925.466. Kế toán viết phiếu chi, chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Sau đó kê toán vào sổ cái TK 641.

Biểu 2.13: PHIẾU CHI SỐ 181

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐỨC THẮNG LỢI

PHIẾU CHI

Số 181

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số C30 – BB

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

ngày 30 tháng 03 năm 2006

của Bộ trưởng BTC

Họ tên người nhận tiền: **Công ty Xuân Thành**

Địa chỉ: TT Lâm – Ý Yên – Nam Định

Lý do chi: Thuê vận chuyển

Số tiền: 4.295.466 đồng

Viết bằng chữ: **Bốn triệu hai trăm chín mươi năm nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng.**

Kèm theo: 01 hợp đồng chứng từ gốc số 0025616

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bốn triệu hai trăm chín mươi năm nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(ký họ tên, đóng dấu)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Biểu 2.14: HOÁ ĐƠN GTGT

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
Liên 2: giao cho khách hàng
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: 01 GTGT – SLL
ML/ 2009B
0081869

Đơn vị bán hàng: **Công ty Xuân Thành**

Địa chỉ: TT Lâm – Ý Yên – Nam Định

Số tài khoản:

Số điện thoại:

Mã số thuế: 0200624598

Họ tên người mua hàng

Tên đơn vị: **Công ty TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI**

Địa chỉ: Ý YÊN – NAM ĐỊNH

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

MS: 0200558881

TT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	vận chuyển	chuyến	03	1.363.640	4.090.920
	Cộng tiền hàng				4.090.920
	Thu suất GTGT 5%	tiền thuế GTGT			204.546
	Tổng cộng tiền thanh toán				4.295.466

Số tiền viết bằng chữ: **Bốn triệu hai trăm chín mươi năm nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng.**

người mua hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

người bán hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

thủ trưởng đơn vị
(ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)
Giám đốc

Biểu 2.15: CHỨNG TỪ GHI SỔ SỐ 163

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐỨC THẮNG LỢI

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 163

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	ngày		Nợ	Có		
PC 181	31/12/09	Thuê vận chuyển VAT đầu vào	641 133	111 111	4.090.920 204.546	
		Cộng			4.295.466	

Kèm theo 01 bản chứng từ gốc

người lập
(ký họ tên)

Kế toán trưởng
(ký họ tên)

Biểu 2.16: SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

**CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐỨC THẮNG LỢI
Ý YÊN - NAM ĐỊNH**

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2009

Chứng từ ghi số		số tiền	Chứng từ ghi số		số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
...			
90	31/08/09	413.114.760			
...			
119	31/10/09	504.914.517			
...			
128	31/10/09	4.295.466			
...			
137	10/11/09	735.000			
...			
140	31/12/09	16.700.000			
...			
145	31/12/09	11.530.000			
...			
...			
159	31/12/09	598.617.650			
...			
161	31/12/09	676.617.250			
162	31/12/09	4.074.051			
163	31/12/09	4.295.466			
164	31/12/09	735.000			
165	31/12/09	4.287.743.252			
166	31/12/09	4.184.813.322			
167	31/12/09	25.732.483			
168	31/12/09	77.197.447			
Cộng tháng			Cộng tháng		
Cộng lũy kế		38.923.361.148	Cộng lũy kế		

Sổ này có 03 trang, đặt số từ trang 01 đến trang 03

Biểu 2.17: SỔ CÁI TK 641

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI
MST: 0600001213

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu TK: 641

Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
		Số PS trong năm			
...
...
155	31/12/09	Chi phí bán hàng tháng 12	111	4.090.920	
166	31/12/09	Kc CPBH	911		50.943.458
		Tổng số phát sinh		50.943.458	50.943.458
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu
(ký họ tên)
Tùng

Kế toán trưởng
(ký họ tên)
Đỗ Thị Đào

(Trích từ sổ cái TK 641 của Công ty TNHH ĐÚC THẮNG LỢI)

2.2.7. Tổ chức kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm: Chi phí tiền lương cho nhân viên quản lý, chi phí khấu hao, chi phí điện nước, chi phí văn phòng, tiền thuê đất, thuê môn bài, chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng. Để tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp, Công ty sử dụng TK 642 để hạch toán.

*** Sổ sách chứng từ sử dụng**

Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán căn cứ vào bảng phân bổ tiền lương, bảng trích khấu hao TSCĐ, phiếu chi về tiền điện, nước, các chi phí bằng tiền khác... để làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 642.

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng tính và trích khấu hao TSCĐ
- Sổ cái TK 642
- Các sổ chi tiết TK 642

Kế toán phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp theo công thức sau:

$$\text{Chi phí QLDN phân bổ cho từng loại sản phẩm} = \frac{\text{Tổng CPQLDN}}{\text{Tổng doanh thu bán hàng}} \times \text{Doanh thu của từng loại sản phẩm}$$

*** Quy trình hạch toán**

Khi có chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc (Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng tính và phân bổ khấu hao, hoá đơn tiền điện nước..) để ghi vào sổ sách kế toán.

Ví dụ 2: Căn cứ vào hoá đơn số 002941 ngày 31 tháng 12 năm 2009 với nội dung: Mua xăng A92 của DNTN Nam Cường. số tiền là 735.000 đồng.

Kế toán viết phiếu chi, chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó kế toán vào sổ cái TK 642.

Biểu 2.18: PHIẾU CHI SỐ 158

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐỨC THẮNG LỢI

PHIẾU CHI

Sô: 158

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số C30 – BB

Theo QĐ số: 19/2006/QĐ – BTC

ngày 30 tháng 03 năm 2006

của Bộ trưởng BTC

Họ tên người nhận tiền: **Doanh nghiệp tư nhân Nam Cường**

Địa chỉ: Cửa hàng xăng dầu Non Nước – Ninh Bình

Lý do chi: Mua xăng

Số tiền: 735.000 đồng

Viết bằng chữ: **Bảy trăm ba mươi năm nghìn đồng**

Kèm theo: 01 hợp đồng chứng từ gốc số 00099941

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): **Bảy trăm ba mươi năm nghìn đồng.**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị	kế toán trưởng	người lập	người nhận	thủ quỹ
(ký họ tên, đóng dấu)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.19: HOÁ ĐƠN GTGT

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: giao cho khách hàng
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: 01 GTKT – 3LL
EK/ 2009B
002941

Đơn vị bán hàng: Doanh nghiệp tư nhân Nam Cường

Địa chỉ: Cửa hàng xăng dầu Non Nước – Ninh Bình

Số tài khoản:

Số điện thoại:

Mã số thuế: 0800163451

Họ tên người mua hàng

Tên đơn vị: **Công ty TNHH CƠ KHÍ ĐỨC THẮNG LỢI**

Địa chỉ: Ý YÊN – NAM ĐỊNH

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

MS: 0200558881

TT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xăng A92	Lít	70	9.090.9	636.363
2					
3					
	Cộng tiền hàng				636.363
	Thu suất GTGT 10%	tiền thuế GTGT			63.637
	Tổng cộng tiền thanh toán				735.000

Số tiền viết bằng chữ: **Bảy trăm ba mươi năm nghìn đồng.**

người mua hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

người bán hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

thủ trưởng đơn vị
(ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)
Giám đốc

Biểu 2.20: CHỨNG TỪ GHI SỔ SỐ 164

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 164

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	ngày		Nợ	Có		
PC 158	31/12/09	Mua xăng	642	111	636.363	
		VAT đầu vào	133	111	63.637	
		Cộng			735.000	

Kèm theo 01 bản chứng từ gốc

người lập
(ký họ tên)

Kế toán trưởng
(ký họ tên)

Biểu 2.21: SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỐ

**CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐỨC THẮNG LỢI
Ý YÊN - NAM ĐỊNH**

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỐ

Năm 2009

Chứng từ ghi số		số tiền	Chứng từ ghi số		số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
...			
90	31/08/09	413.114.760			
...			
119	31/10/09	504.914.517			
...			
128	31/10/09	4.295.466			
...			
137	10/11/09	735.000			
...			
140	31/12/09	16.700.000			
...			
145	31/12/09	11.530.000			
...			
...			
159	31/12/09	598.617.650			
...			
161	31/12/09	676.617.250			
162	31/12/09	4.074.051			
163	31/12/09	4.295.466			
164	31/12/09	735.000			
165	31/12/09	4.287.743.252			
166	31/12/09	4.184.813.322			
167	31/12/09	25.732.483			
168	31/12/09	77.197.447			
Cộng tháng			Cộng tháng		
Cộng lũy kế		38.923.361.148	Cộng lũy kế		

Sổ này có 03 trang, đặt số từ trang 01 đến trang 03

Biểu 2.22: SỔ CÁI TK 642

**CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐỨC THẮNG
LỢI
MST: 0600001213**

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp
Số hiệu TK: 642
Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
		Số PS trong năm			
..	
...	
164	31/12/09	Chi phí quản lý tháng 12	111	636.363	
166	31/12/09	Kc CPQLDN	911		284.587.788
		Tổng số phát sinh		284.587.788	284.587.788
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu
(ký họ tên)
Tùng

Kế toán trưởng
(ký họ tên)
Đỗ Thị Đào

(Trích từ sổ cái TK 642 của Công ty TNHH CƠ KHÍ ĐỨC THẮNG LỢI)

2.2.8 Tổ chức kế toán thu nhập khác

Trong năm 2009, doanh nghiệp không phát sinh các khoản thu nhập khác.

2.2.9 Tổ chức kế toán chi phí khác

Trong năm 2009, doanh nghiệp không phát sinh các khoản chi phí khác.

2.2.10 Tổ chức công tác kế toán xác định và phân phối kết quả kinh doanh

Để xác định kết quả kinh doanh, kế toán công ty xác định theo từng tháng. Kết quả kinh doanh là khoản chênh lệch giữa doanh thu và chi phí, nó là bằng chứng để đánh giá sự thành công hay thất bại của kỳ hạch toán được biểu hiện bằng số lợi nhuận thu được.

*) Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

Lợi nhuận thuần = Lợi nhuận gộp + DTTC – CPTC – CP bán hàng – CP QLDN

Ví dụ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh. Kế toán vào chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Sau đó vào sổ cái TK 911, TK 421

Biểu 2.23: CHỨNG TỪ GHI SỔ SỐ 165

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 165

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	ngày		Nợ	Có		
	31/12/09	k/c doanh thu	511	911	4.287.743.252	
		Cộng			4.287.743.252	

Kèm theo 01 bản chứng từ gốc

người lập
(ký họ tên)

Kế toán trưởng
(ký họ tên)

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.24: CHỨNG TỪ GHI SỔ SỐ 166

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 166

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	ngày		Nợ	Có		
	31/12/09	k/c giá vốn hàng bán	911	632	3.845.208.025	
		k/c chi phí bán hàng	911	641	50.943.458	
		k/c chi phí QLDN	911	642	284.587.788	
		k/c chi phí hoạt động TC	911	635	4.074.051	
		Cộng			4.184.813.322	

Kèm theo 01 bản chứng từ gốc

người lập

(ký họ tên)

Kế toán trưởng

(ký họ tên)

Biểu 2.25: CHỨNG TỪ GHI SỔ SỐ 167

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 167

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	ngày		Nợ	Có		
	31/12/09	k/c lãi	911	421	77.197.447	
		Cộng			77.197.447	

Kèm theo 01 bản chứng từ gốc

người lập

(ký họ tên)

Kế toán trưởng

(ký họ tên)

**Biểu 2.26: CHỨNG TỪ GHI SỔ SỐ 168
CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI**

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 168

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	ngày		Nợ	Có		
	31/12/09	k/c chi phí thuế TNDN	821	3334	25.732.483	
		Cộng			25.732.483	

Kèm theo 01 bản chứng từ gốc

người lập
(ký họ tên)

Kế toán trưởng
(ký họ tên)

Biểu 2.27: SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

**CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐỨC THẮNG LỢI
Ý YÊN - NAM ĐỊNH**

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2009

Chứng từ ghi số		số tiền	Chứng từ ghi số		số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
...			
90	31/08/09	413.114.760			
...			
119	31/10/09	504.914.517			
...			
128	31/10/09	4.295.466			
...			
137	10/11/09	735.000			
...			
140	31/12/09	16.700.000			
...			
145	31/12/09	11.530.000			
...			
...			
159	31/12/09	598.617.650			
...			
161	31/12/09	676.617.250			
162	31/12/09	4.074.051			
163	31/12/09	4.295.466			
164	31/12/09	735.000			
165	31/12/09	4.287.743.252			
166	31/12/09	4.184.813.322			
167	31/12/09	25.732.483			
168	31/12/09	77.197.447			
Cộng tháng			Cộng tháng		
Cộng lũy kế		38.923.361.148	Cộng lũy kế		

Sổ này có 03 trang, đặt số từ trang 01 đến trang 03

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.28: SỔ CÁI TK 911

CÔNG TY TNHH ĐỨC THẮNG LỢI
MST: 0600001213

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
		Số PS trong năm			
165	31/12/2009	K/c doanh thu	511		4.287.743.252
166	31/12/2009	K/c giá vốn	632	3.845.208.025	
		K/c cp BH	641	50.943.458	
		K/c cp QLDN	642	284.587.788	
		K/c cp HĐTC	635	4.074.051	
167	31/12/2009	K/c cp thuế TNDN	821	25.732.483	
168	31/12/2009	K/c lãi	421	77.197.447	
		Tổng phát sinh số dư cuối năm		4.287.743.252	4.287.743.252

Ngày....tháng....năm 2009

Người lập biểu

(ký họ tên)

Tùng

Kế toán trưởng

(ký họ tên)

Đỗ Thị Đào

(Trích từ sổ cái TK 911 của Công ty TNHH CƠ KHÍ ĐỨC THẮNG LỢI)

Biểu 2.29: SỔ CÁI TK 421

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI

MST: 0600001213

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			85.400.000
		Số PS trong năm			
168	31/12/2009	K/c lãi	911		77.197.447
		Tổng phát sinh			77.197.447
		số dư cuối năm			162.597.447

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu
(ký họ tên)
Tùng

Kế toán trưởng
(ký họ tên)
Đỗ Thị Đào

(Trích từ sổ cái TK 911 của Công ty TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI)

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI
Ý YÊN – NAM ĐỊNH**

Mẫu số B02 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	4.287.743.252	3.284.114.551
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: (10 = 01 – 02)	10		4.287.743.252	3.284.114.551
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	3.845.208.025	2.896.508.175
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: (20 = 10 – 11)	20		442.535.227	387.606.376
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26		
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	4.074.051	8.314.315
	Trong đó: chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí bán hàng	24		50.943.458	65.230.450
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		284.587.788	195.450.500
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		102.929.930	118.611.111
11	Thu nhập khác	31			
12	Chi phí khác	32			
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		102.929.930	118.611.111
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	25.732.483	33.211.111
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		77.197.447	85.400.000
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐÚC THẮNG LỢI

Qua thời gian tìm hiểu và khảo sát thực tế tại Công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi, em đã rút ra một vài nhận xét về tình hình hạch toán nghiệp vụ doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

3.1. Những ưu điểm trong tổ chức kế toán tại Công ty cơ khí đúc Thăng Lợi

Khi nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường và cơ chế này ngày càng thịnh hành, đối với Công ty đòi hỏi phải bắt nhịp với cơ chế mới và việc bắt nhịp này không phải là chuyện đơn giản, đòi hỏi phải bắt nhịp như thế nào và bằng cách nào để không quá sớm mà cũng không quá muộn mà vẫn mang lại hiệu quả cao nhất. Công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi đã rất năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, đã cố gắng trang bị máy móc thiết bị và sản xuất thêm sản phẩm, cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường hiện nay. So với trước đây thì những năm gần đây chất lượng sản phẩm của Công ty đã nâng lên rõ rệt, tổng giá trị sản xuất của Công ty đã tăng lên rất nhiều, đời sống cán bộ công nhân viên đã được cải thiện và đặc biệt kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng cao.

Cùng với sự lớn mạnh của Công ty, công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng không ngừng được củng cố và hoàn thiện. Kế toán đã phát huy được vai trò của mình trong quản lý kinh doanh của Công ty, góp phần không nhỏ vào sự thành công của Công ty, trong đó, công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng dần được hoàn thiện và đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin cho nhà quản lý.

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi, em nhận thấy mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty là lợi nhuận và lợi nhuận không ngừng tăng cao. Đó là điều kiện để doanh nghiệp tồn tại và phát triển, thực hiện tái sản xuất mở rộng và cải thiện đời sống vật chất của cán bộ công

nhân viên toàn Công ty, đồng thời là điều kiện Công ty thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và các ngành liên quan khác. Doanh thu không ngừng tăng sẽ củng cố vốn để bù đắp chi phí trả nợ về các khoản vay cũng như bảo toàn vốn của doanh nghiệp. Các ưu điểm cụ thể của kế toán nói chung và công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty nói riêng được thể hiện ở những mặt sau:

- **Về tổ chức bộ máy kế toán**

- Công ty có đội ngũ kế toán đầy năng lực và kinh nghiệm làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, bộ máy kế toán được tổ chức sắp xếp phù hợp với yêu cầu và khả năng trình độ của từng người. Mỗi nhân viên trong phòng kế toán Công ty được phân công một mảng công việc nhất định trong chuỗi mắt xích công việc chung. Chính sự phân công đó trong công tác kế toán đã tạo ra sự chuyên môn hóa trong công tác kế toán, giúp cho nghiệp vụ kế toán phát sinh được giải quyết nhanh chóng, rõ ràng theo sự phân công công việc đã có sẵn.

- Bộ máy kế toán của Công ty: Việc tổ chức bố trí công việc của kế toán phù hợp với chức năng và nguyện vọng của từng người do vậy mọi công việc đều hoàn thành có hiệu quả. Các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn cao và được bố trí một cách hợp lý.

- Công ty cũng lựa chọn hình thức tổ chức kế toán phù hợp với mô hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mỗi nghiệp vụ phát sinh được hạch toán một cách chính xác và nhanh chóng. Với mô hình kế toán này, việc hạch toán đảm bảo sự tập trung thống nhất và chặt chẽ giúp việc kiểm tra chỉ đạo sản xuất kịp thời, chuyên môn hóa cán bộ, giảm nhẹ biên chế, tạo điều kiện áp dụng tin học trong quản lý hạch toán.

- **Về tổ chức bộ sổ kế toán**

- Công ty áp dụng bộ sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ và phương pháp kê khai thường xuyên. Các loại sổ sử dụng, các loại tờ kê và các bảng phân bổ được tuân theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất toàn Công ty.

- Việc sử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị kỹ thuật tính toán cũng như yêu cầu quản lý của Công ty. Việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ lấy.

• **Với hệ thống chứng từ kế toán**

- Sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đó phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép đầy đủ, chính xác vào chứng từ tạo điều kiện cho việc tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Quy trình luân chuyển chứng từ được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với đặc điểm sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hệ thống tài khoản sử dụng trong hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được chi tiết tương đối phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên trong công tác kế toán bất kỳ và xác định kết quả kinh doanh. Phương pháp này tạo điều kiện cho việc phản ánh ghi chép theo dõi thường xuyên sự biến động hàng ngày, hàng giờ.

• **Về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty bởi vì nó liên quan đến việc xác định kết quả, các khoản thu nhập thực tế và phần phải nộp cho ngân sách Nhà nước. Đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của Công ty trong lưu thông. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, bên cạnh cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như thuế, ngân hàng... Cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp, giúp ban giám đốc có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời, đúng đắn hiệu quả.

- Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh luôn được ghi chép đầy đủ đảm bảo các nghiệp vụ phát sinh liên quan không bị bỏ sót hay ghi chép sai. Việc hạch toán thành phẩm được chi tiết theo từng loại giúp thuận lợi trong việc theo dõi những biến động của thành phẩm từ đó quản

lý tốt hơn. Giá vốn hàng bán được xác định riêng cho từng thành phẩm, xác định theo từng tháng giúp cho việc hạch toán được rõ ràng.

- Nhìn chung, với những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua đã phản ánh một cách trung thực nhất sự cố gắng, nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân trong Công ty nói chung và phòng kế toán nói riêng. Công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đã đáp ứng được nhu cầu quản lý hạch toán.

3.2. Những tồn tại trong công tác tổ chức kế toán tại Công ty cơ khí đúc

Thắng lợi

Những thành tựu trong công tác hạch toán kế toán đã góp phần không nhỏ vào sự thành công của Công ty, song bên cạnh đó những thành tựu vẫn còn những vướng mắc, những tồn tại mà các nhà quản lý nói chung và cán bộ kế toán nói riêng cần phải quan tâm để có những biện pháp xử lý kịp thời, nâng cao hiệu quả công tác kế toán cũng như hiệu quả của việc tổ chức hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH cơ khí đúc Thắng Lợi. Những hạn chế đó được bộc lộ ở những điểm sau:

- Doanh nghiệp vẫn chưa có phần mềm kế toán riêng, và vẫn chưa áp dụng kế toán máy trong công tác. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh hầu hết được xử lý thông tin bằng phương pháp thủ công là chính. Vì vậy công tác hạch toán mất khá nhiều thời gian.

- Trang bị khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán nói riêng và vào trong công tác quản lý hoạt động sản xuất của Công ty nói chung gặp nhiều hạn chế. Vì vậy, lãnh đạo Công ty nên xem xét và quan tâm hơn đến vấn đề này.

- Doanh nghiệp chậm áp dụng các thay đổi trong chuẩn mực kế toán mà theo QĐ của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc ban hành 06 chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4).

- Vào cuối kỳ, khi kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán trực tiếp ghi luôn các nghiệp vụ kết chuyển vào chứng từ ghi sổ mà không lập phiếu kế toán.

- Doanh nghiệp không sử dụng sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết giá vốn trong quá trình bán hàng, tiêu thụ hàng xuất bán. Điều này sẽ khó khăn khi doanh nghiệp muốn biết doanh thu, giá vốn của từng loại hàng.

3.3. Những đề xuất nhằm thực hiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi

***) Yêu cầu hoàn thiện**

Từ thực trạng của bộ phận kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty cho ta thấy rằng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải được hoàn thiện hơn trong cơ chế quản lý mới để đáp ứng cho yêu cầu quản lý hiện nay.

Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo những yêu cầu sau:

- **Xác định doanh thu của từng loại mặt hàng**

Xác định doanh thu của từng loại mặt hàng để từ đó có kế hoạch phát triển từng loại mặt hàng bằng cách tập trung, nâng cao hiệu quả bán hàng của loại sản phẩm đó theo từng thời vụ để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu cũng như thị hiếu của thị trường qua từng thời kỳ nhất định.

- **Bố trí nhân viên kế toán theo dõi doanh thu của từng loại mặt hàng**

Việc xác định kết quả bán hàng và doanh thu của từng loại mặt hàng đòi hỏi độ chính xác, nhanh chóng kịp thời cung cấp thông tin cần thiết cho lãnh đạo doanh nghiệp biết để có phương án hành động cho những tháng tiếp theo. Do đó Công ty nên bố trí người trong bộ máy kế toán trực tiếp theo dõi kết quả bán hàng và doanh thu của từng loại mặt hàng. Việc này có thể giao cho kế toán viên phụ trách phần tiêu thụ đảm nhận, bởi vậy hàng tháng khi tập hợp các hóa đơn bán hàng tại kho kế toán viên có điều kiện để phân loại từng loại mặt hàng bán ra trong tháng và doanh thu của nó một cách dễ dàng và chính xác. Công việc này nên được tiến hành thường xuyên vì nó rất có lợi cho việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

• **Đầu tư mua sắm mới hệ thống thiết bị vi tính, áp dụng phần mềm kế toán máy vào doanh nghiệp**

Hiện nay hệ thống trang thiết bị trong phòng kế toán còn nhiều hạn chế, phòng kế toán của Công ty hiện có 03 máy vi tính nhưng hiệu suất sử dụng chưa cao, Công ty nên chuyển sang áp dụng hình thức Nhật ký chung cho bộ sổ sách kế toán tại doanh nghiệp vì như thế sẽ thuận lợi hơn khi Công ty đưa phần mềm kế toán áp dụng tại đơn vị. Nếu Công ty đưa phần mềm kế toán vào sử dụng chắc chắn gánh nặng của công việc sẽ được giảm xuống khá nhiều mà hiệu quả công việc được nâng cao.

Dựa trên những kiến thức đã đ- ọc học và những tìm hiểu về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng của công ty, em xin đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nh- sau:

Thứ nhất: *Hệ thống sổ sách kế toán áp dụng*

Vào cuối kỳ, khi kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh, kế toán của công ty nên lập phiếu kế toán để tiện cho việc theo dõi chứng từ, sổ sách để làm căn cứ ghi vào chứng từ ghi sổ

Hình thức của 1 phiếu kế toán như sau:

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi

Phiếu kế toán

Ngày...tháng...năm

Số....

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền	Chi tiết tài khoản	
					TK nợ	TK có
	Cộng					

Ngày...tháng...năm

Người lập

(Ký, họ tên)

Để thuận tiện cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn của từng loại hàng xuất bán, công ty nên mở thêm sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết sản xuất kinh doanh theo mẫu sau

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

Đơn vị:

Địa chỉ:

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Trang số...

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số l- ượng	đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521, 531,532)
			Cộng số phát sinh						

Ng- ời lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán tr- ưởng
(ký, họ tên)

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
Tháng...năm

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ tài khoản							
	SH	NT			Tổng số	Chia ra						
						154.1	154.2	632	635	641	642	214
			Mang sang									

Thứ hai : Việc ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác kế toán

Với sự phát triển ngày càng cao của khoa học, công nghệ thì công tác kế toán càng phải được tổ chức sao cho gọn nhẹ, chính xác, nhanh chóng. Muốn vậy, kế toán công ty cần được trang bị một hệ thống máy tính với những phần mềm kế toán trợ giúp. Việc sử dụng kế toán trên máy tạo điều kiện làm việc của nhân viên kế toán được tốt hơn, công việc sẽ không dồn nhiều vào cuối tháng, đồng thời chất lượng quản lý và cung cấp thông tin kế toán cho công tác quản lý sẽ được nâng cao, khối lượng công việc được giảm đi đáng kể. Ngoài ra, song song với việc sử dụng công nghệ này, công ty nên bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ kế toán, nhằm thích ứng kịp thời, không rời rạc.

KẾT LUẬN

Công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi là một đơn vị kinh doanh đã có chỗ đứng trên thị trường, đó là nhờ sự cố gắng, nỗ lực tài chính của đơn vị.

Trong thời gian thực tập ngắn ngủi tại Công ty, đặc biệt là trong việc nghiên cứu tình hình thực tế về công tác kế toán nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá. Em nhận thấy các mặt mạnh Công ty đã được phát huy và cũng còn những hạn chế cần phải khắc phục.

Trong thời gian thực tập ở phòng kế toán tại công ty TNHH cơ khí đúc Thăng Lợi, em đã được cô Đỗ Thị Đào - Kế toán trưởng và các anh chị trong phòng kế toán hướng dẫn, chỉ bảo tận tình, giúp em có điều kiện tiếp xúc thực tế với công việc của ngành kế toán, đưa ra những nhận xét giúp em hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp này.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng do thời gian nghiên cứu thực tế không có nhiều, trình độ kiến thức có hạn, khả năng lý luận chưa vững vàng nên trong chuyên đề còn có nhiều sai sót, hạn chế. Em rất mong ý kiến đánh giá, nhận xét của thầy cô để em nâng cao nhận thức của mình nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác thực tế sau này.

Hải Phòng, ngày...tháng...năm

Sinh viên

Bùi Thị Thùy Linh